

HSK 2.0 STANDARD • LEVEL 3 VOCABULARY

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 3

Trọn bộ 300+ từ vựng bút phá sơ cấp HSK 3 (2.0), hoàn thiện nền tảng ngữ pháp và phản xạ giao tiếp tự tin trong học tập và công việc.

**100% Đầy Đủ 301 Từ Vựng HSK 3**

Sắp xếp khoa học kèm phiên âm, từ loại & câu ví dụ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mục**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & luyện tập online

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=2.0&level=3> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 3

Danh từ

#001

阿姨

ā yí

cô, dì, bác gái

李阿姨是我们家多年的好邻居，非常热情善良。

Lǐ āyí shì wǒmen jiā duō nián de hǎo línjū, fēicháng rèqíng shànláng.

Dì Lý là người hàng xóm tốt nhiều năm của gia đình chúng tôi, rất nhiệt tình và tốt bụng.

📅 21 nét

HÁN VIỆT : A DI

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đỏ Nổi Bật: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ PHÂN BỐ TỪ LOẠI TÀI LIỆU HSK 3

Tổng cộng: 301 từ vựng

171

Danh từ

48

Động từ

37

Tính từ

3

Đại từ

12

Số & Lượng từ

30

Từ loại khác



HSK 3

Danh từ

#001

阿姨
ā yí

cô, dì, bác gái

李阿姨是我们家多年的好邻居，非常热情善良。

Lǐ āyí shì wǒmen jiā duō nián de hǎo línjū, fēicháng rèqíng shànláng.

Dì Lý là người hàng xóm tốt nhiều năm của gia đình chúng tôi, rất nhiệt tình và tốt bụng.

21 nét

HÁN VIỆT: A DI

HSK 3

Trợ từ

#002

啊
a

À

今天的天气真好啊！我们一起去公园散散步吧。

Jīntiān de tiānqì zhēn hǎo a! Wǒmen yìqǐ qù gōngyuán sǎnsǎn bù ba.

Thời tiết hôm nay đẹp thật đấy! Chúng mình cùng ra công viên đi dạo nhé.

9 nét

HÁN VIỆT: A

HSK 3

Tính từ

#003

矮
ǎi

thấp, lùn

弟弟比哥哥矮一点儿，但他跑步非常快。

Dìdì bǐ gēge ǎi yídiǎnr, dàn tā pǎobù fēicháng kuài.

Em trai thấp hơn anh một chút, nhưng cậu nhóc chạy bộ cực kỳ nhanh.

8 nét

HÁN VIỆT: ǎi

HSK 3

Danh từ

#004

爱好
àihào

sở thích

我的业余爱好很广泛，平时喜欢听音乐和打羽毛球。

Wǒ de yèyú àihào hěn guǎngfàn, píngshí xǐhuan tīng yīnyuè hé dǎ yǔmáoliú.

Sở thích lúc rảnh rỗi của mình rất phong phú, bình thường mình thích nghe nhạc và đánh cầu lông.

22 nét

HÁN VIỆT: ǎi HẢO

HSK 3

Tính từ

#005

安静
ānjìng

yên tĩnh

阅览室里非常安静，大家都在专心地查阅学术文献。

Yuèlǎnshì lǐ fēicháng ānjìng, dàjiā dōu zài zhuānxīn de cháyuè xuéshù wénxiàn.

Trong phòng đọc sách rất đối yên tĩnh, mọi người đều đang chăm chú tra cứu tài liệu học thuật.

20 nét

HÁN VIỆT: AN TĨNH

HSK 3

Lượng từ

#006

把
bǎ

cầm, nắm; (giới từ đưa tân ngữ lên trước)

请你把桌子上的这些新鲜水果洗干净。

Qǐng nǐ bǎ zhuōzi shàng de zhèxiē xīnxiān shuǐguǒ xǐ gānjìng.

Bạn rửa sạch chỗ hoa quả tươi trên bàn này giúp mình nhé.

13 nét

HÁN VIỆT: Bǎ

HSK 3

Động từ

#007

搬
bān

chuyển, dọn (nhà, đồ đạc)

为了方便孩子上学和家人就医，我们全家上个月搬进了离市中心更近的新小区。

Wèi le fāng biàn hái zǐ shàng xué hé jiā rén jiù yī, wǒ men quán jiā shàng gè yuè bān jìn le lí shì zhōng xīn gèng jìn de xīn xiǎo qū.

Để tiện cho con đi học và người nhà đi khám bệnh, cả gia đình chúng tôi tháng trước đã chuyển dọn về khu đô thị mới gần trung tâm thành phố hơn.

11 nét

HÁN VIỆT: BAN

HSK 3

Động từ

#008

班
bān

lớp học, ca làm việc

老师鼓励大家积极班，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lớp học, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: BAN

HSK 3

Số từ

#009

半
bàn

một nửa

掌握好“半”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “bàn” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “半” (một nửa) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

8 nét

HÁN VIỆT: BÀN



HSK 3

Danh từ

#010

办法

bàn fǎ

biện pháp, cách thức

别着急，大家一起商量，肯定能想出解决的办法。

Bié zhàojí, dàijiā yìqǐ shāngliang, kěndìng néng xiāng chū jiějué de bànfa.

Đừng vội lo, mọi người cùng bàn bạc thì chắc chắn sẽ tìm ra cách giải quyết thôi.

20 nét

HÁN VIỆT: BIỆN PHÁP

HSK 3

Danh từ

#011

办公室

bàn gōng shì

văn phòng

王经理现在正在办公室里和重要客户商谈合作方案。

Wáng jīnglǐ xiànzài zhèngzài bàngōngshì lǐ hé zhòngyào kèhù shāngtán hézuò fāng'àn.

Giám đốc Vương hiện đang ở trong văn phòng bàn bạc phương án hợp tác với khách hàng quan trọng.

35 nét

HÁN VIỆT: BIỆN CÔNG THẤT

HSK 3

Danh từ

#012

帮忙

bāng máng

giúp đỡ

这次多亏你热情帮忙，我们才能顺利按时完成任务。

Zhè cì duōkuī nǐ rèqíng bāngmáng, wǒmen cái néng shùnlì ànshí wánchéng rènwu.

Lần này may nhờ có bạn nhiệt tình giúp đỡ, chúng mình mới có thể hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn và suôn sẻ.

20 nét

HÁN VIỆT: BANG MANG

HSK 3

Động từ

#013

包

bāo

túi xách; bao bọc; bánh bao

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地包。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì bāo.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách túi xách một cách tốt hơn.

9 nét

HÁN VIỆT: BAO

HSK 3

Tính từ

#014

饱

bǎo

no bụng

今天中午的饭菜太合胃口了，我已经吃得非常饱了。

Jīntiān zhōngwǔ de fàncai tài hé wèikǒu le, wǒ yǐjīng chī de fēicháng bǎo le.

Bữa cơm trưa hôm nay vừa miệng quá, mình đã ăn no căng cả bụng rồi.

12 nét

HÁN VIỆT: BẢO

HSK 3

Danh từ

#015

北方

běi fāng

phía bắc, miền bắc

中国的北方冬天寒冷干燥，经常会迎来鹅毛大雪。

Zhōngguó de běifāng dōngtiān hánlěng gānzào, jīngcháng huì yínglái émáo dàxuě.

Mùa đông ở miền bắc Trung Quốc lạnh và khô, thường xuyên đón những đợt tuyết rơi dày đặc.

22 nét

HÁN VIỆT: BẮC PHƯƠNG

HSK 3

Giới từ

#016

被

bèi

bị, được (câu bị động)

放在桌子上的热牛奶不小心被调皮的小猫打翻了。

Fàng zài zhuōzi shàng de rè niúǎi bù xiǎoxīn bèi tiáopí de xiǎomāo dǎfān le.

Cốc sữa nóng đặt trên bàn lễ bị chú mèo nghịch ngợm gạt đổ mất rồi.

9 nét

HÁN VIỆT: BỊ

HSK 3

Danh từ

#017

鼻子

bí zi

mũi

天气突然剧烈变冷，他的鼻子感觉有点儿不舒服。

Tiānqì tūrán jiùliè biànlěng, tā de bízi gǎnjué yǒudiǎnr bù shūfú.

Thời tiết đột ngột trở lạnh dữ dội khiến mũi anh ấy cảm thấy hơi khó chịu.

21 nét

HÁN VIỆT: TỶ TỬ

HSK 3

Danh từ

#018

比较

bǐ jiào

so sánh

这家特色餐厅不仅环境幽雅，菜品价格也比较公道亲民。

Zhè jiā tèsè cāntīng bùjìn huánjīng yōuyǎ, cài pǐn jiàgé yě bǐjiào gōngdào qīnmín.

Nhà hàng đặc sản này không chỉ có không gian tao nhã mà giá món ăn cũng tương đối bình dân và hợp lý.

22 nét

HÁN VIỆT: TỶ GIẢO



HSK 3

Danh từ

#019

比赛

bǐ sài

sự cạnh tranh

明天下午我们学校有一场非常激烈的足球友谊比赛。

Míngtiān xiàwǔ wǒmen xuéxiào yǒu yí chǎng fēicháng jīliè de zúqiú yǒuyì bǐsài.

Chiều mai trường chúng tôi có một trận bóng đá giao hữu vô cùng kịch tính.

23 nét

HÁN VIỆT: TỶ TÁI

HSK 3

Phó từ

#020

必须

bì xū

phải

想要学好一门外语，我们必须每天坚持听说读写全面练习。

Xiǎng yào xué hǎo yí mén wàiyǔ, wǒmen bìxū měitiān jiānchí tīng shuō dú xiě quánmiàn liànxí.

Muốn học giỏi một ngoại ngữ, chúng ta nhất định phải kiên trì luyện tập toàn diện nghe nói đọc viết mỗi ngày.

22 nét

HÁN VIỆT: TẤT TU

HSK 3

Danh từ

#021

变化

biàn huà

biến hóa, thay đổi

短短几年时间，家乡的高新技术开发区发生了翻天覆地的变化。

Duǎnduǎn jǐ nián shíjiān, jiāxiāng de gāoxīn jìshù kāifāqū fāshēng le fāntiān fùdì de biànhuà.

Chỉ trong vài năm ngắn ngủi, khu công nghệ cao ở quê hương đã có những bước chuyển mình đối thay nghiêng trời lệch đất.

22 nét

HÁN VIỆT: BIẾN HOA

HSK 3

Danh từ

#022

表示

biǎo shì

thể hiện

他微笑着向远道而来的客人们点头致意，表示诚挚的欢迎。

Tā wēixiào zhe xiàng yuǎndào ér lái de kèrénmen diǎntóu zhìyì, biǎoshì chéngzhì de huānyíng.

Anh ấy mỉm cười gật đầu chào những vị khách phương xa, bày tỏ sự chào đón chân thành.

23 nét

HÁN VIỆT: BIỂU THỊ

HSK 3

Danh từ

#023

表演

biǎo yǎn

biểu diễn, trình diễn

孩子们在舞台上的精彩武术表演赢得了观众的阵阵热烈掌声。

Háizimen zài wǔtái shàng de jīngcǎi wǔshù biǎoyǎn yíngdé le guānzhòngmen de zhènzhen rèliè zhǎngshēng.

Màn biểu diễn võ thuật đặc sắc của các em nhỏ trên sân khấu đã nhận được những tràng pháo tay rộn rã từ khán giả.

22 nét

HÁN VIỆT: BIỂU DIỄN

HSK 3

Đại từ

#024

别人

bié ren

người khác

在图书馆等公共场所，我们要时刻顾及别人的感受，轻声细语。

Zài túshūguǎn děng gōnggòng chǎngsuǒ, wǒmen yào shíkè gùjí biérén de gǎnshòu, qīngshēng xìyǔ.

Ở những nơi công cộng như thư viện, chúng ta cần luôn để ý đến cảm nhận của người khác và nói năng nhỏ nhẹ.

17 nét

HÁN VIỆT: BIỆT NHÂN

HSK 3

Danh từ

#025

宾馆

bīn guǎn

khách sạn

这家四星级宾馆紧靠火车站，客房整洁舒适，交通极为便利。

Zhè jiā sì xīngjī bīnguǎn jǐn kào huǒchēzhàn, kèfáng zhěngjié shùshì, jiāotōng jíwéi biànlì.

Khách sạn 4 sao này nằm ngay sát ga tàu hỏa, phòng ốc sạch sẽ tiện nghi, đi lại vô cùng thuận tiện.

21 nét

HÁN VIỆT: TÂN QUÁN

HSK 3

Danh từ

#026

冰箱

bīng xiāng

tủ lạnh

大冰箱里冷藏着许多新鲜的时令水果和牛奶，你随意享用吧。

Dà bīngxiāng lǐ lěngcáng zhe xǔduō xīnxiān de shíjìng shuǐguǒ hé niúǎi, nǐ suíyì xiāngyòng ba.

Trong tủ lạnh lớn có trữ nhiều hoa quả tươi theo mùa và sữa tươi, bạn cứ tự nhiên lấy dùng nhé.

23 nét

HÁN VIỆT: BĂNG RƯƠNG

HSK 3

Phó từ

#027

才

cái

Tài năng

今天路上遇到严重堵车，他直到上午九点半才赶到办公室。

Jīntiān lù shàng yù dào yánzhòng dǔchē, tā zhíđào shàngwǔ jiǔ diǎn bàn cái gǎndào bàngōngshì.

Hôm nay trên đường bị tắc xe nghiêm trọng, mãi tới 9 rưỡi sáng anh ấy mới tới được văn phòng.

8 nét

HÁN VIỆT: TÀI



HSK 3

Danh từ

#028

菜单

cài dān

thực đơn, menu

服务员您好, 请给我们拿一份菜单, 我们准备点菜了。

Fúwùyuán nínhǎo, qǐng gěi wǒmen ná yí fèn cài dān, wǒmen zhǔnbèi diǎncài le.

Chào bạn phục vụ, cho chúng mình xin cuốn thực đơn với, chúng mình muốn gọi món rồi.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THÁI THIỆN

HSK 3

Danh từ

#029

参加

cān jiā

tham gia

下个月我想报名参加汉语水平三级考试 (HSK 3)。

Xià gè yuè wǒ xiǎng bàomíng cānjiā Hànyǔ Shuǐpíng Sān Jí Kǎoshì.

Tháng sau mình muốn đăng ký dự thi kỳ thi HSK 3 tiếng Trung.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TAM GIA

HSK 3

Động từ

#030

草

cǎo

cỏ, cây cỏ

春风吹拂大地, 公园里的小草都破土而出, 变得郁郁葱葱。

Chūnfēng chuīfú dàdì, gōngyuán lǐ de xiǎocǎo dōu pòtǔ ér chū, biàn de yùùyù cōngcōng.

Gió xuân mơn man đất trời, những ngọn cỏ non trong công viên đều đâm nẩy lên xanh tươi mơn mơn.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: THẢO

HSK 3

Lượng từ / Danh từ

#031

层

céng

tầng (nhà), lớp (bề mặt)

我们公司的新办公大楼一共有三十八层, 站在顶层露台可以俯瞰整个城市的繁华全貌。

Wǒ men gōngsī de xīn bàn gōng dà lóu yì gòng yǒu sān shí bā céng, zhàn zài dīng céng lù tái kě yǐ fú kàn zhěng gè chéng shì de fán huá quán mào.

Tòa nhà văn phòng làm việc mới của công ty chúng tôi có tổng cộng 38 tầng, đứng trên sân thượng tầng cao nhất có thể ngắm trọn toàn cảnh phồn hoa của cả thành phố.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: TẦNG

HSK 3

Tính từ

#032

差

chà

kém, thiếu, sai lệch

现在距离飞机起飞还差半个小时, 请大家抓紧时间登机。

Xiànzài jùlí fēijī qǐfēi hái chà bàn gè xiǎoshí, qǐng dàjiā zhuānjīn shàngjī dēngjī.

Hiện tại cách giờ máy bay cất cánh còn đúng nửa tiếng nữa, mời quý khách khẩn trương lên máy bay.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: SAI

HSK 3

Danh từ

#033

超市

chāo shì

siêu thị

下班回家途中, 我顺路去社区大型超市买了一些新鲜蔬菜和鸡蛋。

Xiàbān huíjiā túzhōng, wǒ shùnlù qù shèqū dàxíng chāoshì mǎi le yìxiē xīnxiān shūcài hé jīdàn.

Trên đường tan sở về nhà, mình tiện đường ghé siêu thị lớn của khu dân cư mua ít rau tươi và trứng gà.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: SIÊU THỊ

HSK 3

Danh từ

#034

衬衫

chèn shān

áo sơ mi

今天参加重要的外企面试, 他特意穿了一件笔挺洁白的棉质衬衫。

Jīntiān cānjiā zhòngyào de wàiqì miànshì, tā tèyì chuān le yí jiàn bǐngtǐng jiébái de miánzhì chènshān.

Hôm nay đi phỏng vấn quan trọng ở doanh nghiệp nước ngoài, anh ấy đặc biệt diện chiếc áo sơ mi cotton trắng tinh tươm phẳng phiu.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: SẴN SẴM

HSK 3

Danh từ

#035

成绩

chéng jì

thành tích, điểm số

经过近半年来坚持不懈的刻苦努力, 她的期末综合成绩名列前茅。

Jīngguò jìn bàn nián jiǎn chí bùxiè de kùkǔ nǔlì, tā de qīmò zōnghé chéngjì míngliè qián máo.

Nhờ nỗ lực bền bỉ không ngừng suốt gần nửa năm qua, điểm tổng kết cuối kỳ của bạn ấy nằm trong top dẫn đầu.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: THÀNH TÍCH

HSK 3

Danh từ

#036

城市

chéng shì

thành phố

北京是一座既有三千多年悠久历史, 又充满现代科技魅力的国际大城市。

Běijīng shì yí zuò jì yǒu sānqiān duō nián yǒujiǔ lìshǐ, yòu chōngmǎn xiàndài kējì mèilì de guójì dà chéngshì.

Bắc Kinh là một đại đô thị quốc tế vừa sở hữu hơn 3.000 năm lịch sử hào hùng, vừa tràn đầy sức hút công nghệ hiện đại.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: THÀNH THỊ



HSK 3

Danh từ

#037

迟到

chí dào

đến muộn, trễ

早上地铁突发故障导致延误，所以他今天上班不小心迟到了十五分钟。

Zǎoshang diētī tūfā gùzhàng dǎozhì yánwù, suǒyǐ tā jīntiān shàngbān bù xiǎoxīn chídào le shíwǔ fēnzhōng.

Sáng nay tàu điện ngầm gặp sự cố bất ngờ dẫn đến trễ chuyển nên hôm nay anh ấy lỡ đi làm muộn mất 15 phút.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TRÌ ĐÁO

HSK 3

Danh từ

#038

出现

chū xiàn

xuất hiện

在科技日新月异的年代，各类人工智能新应用如雨后春笋般不断出现。

Zài kējì rìxīnyuèyì de shídài, gèlèi réngōng zhīnéng xīn yìngyòng rú yǔhòu chūnsūn bān búduàn chūxiàn.

Trong thời đại công nghệ thay đổi từng ngày, các ứng dụng trí tuệ nhân tạo mới xuất hiện liên tục như nấm sau mưa.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : XUẤT HIỆN

HSK 3

Giới từ

#039

除了

chú le

ngoài ra, trừ ra

除了每周星期一闭馆维护以外，国家博物馆每天都向公众免费开放。

Chúle měi zhōu xīngqīyī bìguǎn wéihù yǐwài, Guójiā Bówùguǎn měitiān dōu xiàng gōngzhòng miǎnfèi kāifàng.

Ngoại trừ thứ Hai hàng tuần đóng cửa bảo trì, Bảo tàng Quốc gia mở cửa miễn phí cho công chúng tất cả các ngày còn lại.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : TRỪ LIỄU

HSK 3

Danh từ

#040

厨房

chú fáng

nhà bếp

温馨宽敞的厨房里飘散出阵阵诱人的饭菜香味，让人食欲大增。

Wēnxīn kuānchǎng de chúfáng lǐ piāosàn chū zhēnzhēn yòurén de fàncai xiāngwèi, ràng rén shíyù dàzēng.

Từ căn bếp ấm cúng rộng rãi thoáng thoang bay ra mùi thức ăn quyến rũ khiến ai nấy đều cồn cào thèm ăn.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : TRÚ PHÒNG

HSK 3

Động từ

#041

春

chūn

mùa xuân

春暖花开的时节，大地披上了绚丽的绿装，展现出勃勃生机。

Chūn nuǎn huā kāi de shíjié, dàdì pī shàng le xuànlì de lǜzhuāng, zhǎnxiàn chū bóbó shēngjī.

Mùa xuân hoa nở ấm áp, đất mẹ khoác lên mình tấm áo xanh rực rỡ, toát lên sức sống tràn trề mãnh liệt.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : XUÂN

HSK 3

Danh từ

#042

词语

cí yǔ

từ ngữ, từ vựng

在汉语写作课上，老师鼓励大家多运用生动准确的高级词语来丰富文章。

Zài Hànyǔ xiězuò kè shàng, lǎoshī gǔlì dàjiā duō yùnyòng shēngdòng zhǔnquè de gāojí cíyǔ lái fēngfù wénzhāng.

Trong giờ tập làm văn tiếng Trung, cô giáo khuyến khích mọi người vận dụng nhiều từ ngữ cao cấp sinh động và chuẩn xác để bài viết thêm phong phú.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : TỪ NGỮ

HSK 3

Tính từ

#043

聪明

cōng míng

thông minh

这个聪敏好学的小男孩不仅记忆力极强，而且解决逻辑问题十分灵活。

Zhè ge cōngmǐn hào xué de xiǎo nánhái bùjīn jìyì lì jí qiáng, érqiě jiějué luójí wèntí shífen línghuó.

Cậu bé thông minh hiếu học này không chỉ có trí nhớ siêu phàm mà còn xử lý các vấn đề logic cực kỳ linh hoạt.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : THÔNG MINH

HSK 3

Tính từ

#044

打扫

dǎ sǎo

sạch sẽ

周末我和全家人齐心协力把整栋房子打扫得干干净净、一尘不染。

Zhōumò wǒ hé quán jiārén qíxīn xiélì bǎ zhěng dòng fángzi dǎsǎo de gāngānjīngjìng, yìchén bù rǎn.

Cuối tuần mình cùng cả nhà chung tay dọn dẹp sạch sẽ tinh tươm cả căn nhà không một hạt bụi.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : TÁ TẢO

HSK 3

Danh từ

#045

打算

dǎ suàn

dự định, tính toán

今年暑假你有什么具体的旅行计划，打算去国内还是国外度假呢？

Jīnnián shǔjià nǐ yǒu shénme jùtǐ de lǚxíng jìhuà, dǎsuàn qù guó nèi háishì guó wài dùjià ne?

Kỳ nghỉ hè năm nay bạn có kế hoạch du lịch cụ thể nào chưa, tính đi nghỉ dưỡng ở trong nước hay nước ngoài thế?

📖 28 nét

HÁN VIỆT : TÁ TOÁN



HSK 3

Động từ

#046

带
dài

mang theo, dẫn dắt

出门前务必记得随身带好手机、钥匙和身份证等必备贵重物品。

Chūmén qián wùbì jìde suishēn dài hào shǒujī, yàoshì hé shēnfēnzhèng děng bìbèi guìzhòng wùpǐn.

Trước khi ra khỏi nhà nhất định phải nhớ mang theo bên người các đồ vật thiết yếu quan trọng như điện thoại, chìa khóa và căn cước công dân.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI

HSK 3

Danh từ

#047

担心
dān xīn

lo lắng

你已经为这次考试做了充分的准备，完全不必过分焦虑和担心。

Nǐ yǐjīng wèi zhè cì kǎoshì zuò le chōngfèn de zhǔnbèi, wánquán búbì guòfēn jiāolǜ hé dānxīn.

Bạn đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng cho kỳ thi lần này rồi, hoàn toàn không cần phải quá mức âu lo và thấp thỏm dẫu.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐÀM TÂM

HSK 3

Động từ

#048

蛋糕
dàn gāo

bánh ngọt

生日宴会上，大家一起围在点燃蜡烛的香甜水果奶油蛋糕旁唱生日歌。

Shēngrì yànhuì shàng, dàjiā yìqǐ wéi zài diǎnrán làzhú de xiāngtián shuǐguǒ nǎiyóu dāngāo páng chàng shēngrì gē.

Trong bữa tiệc sinh nhật, mọi người cùng quây quần bên chiếc bánh kem hoa quả thấp thỏi thơm lừng cất tiếng hát chúc mừng sinh nhật.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐÀN CAO

HSK 3

Danh từ

#049

当然
dāng rán

Tất nhiên

想要真正学好一门外语，当然离不开持之以恒的日常积累与实践。

Xiǎng yào zhēnzhèng xué hào yì mén wàiyǔ, dāngrán lí bù kāi chízhìyǐhéng de rìcháng jīlěi yǔ shíjiàn.

Muốn thực sự học giỏi một ngoại ngữ, đương nhiên không thể thiếu sự tích lũy và thực hành bền bỉ mỗi ngày.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG NHIÊN

HSK 3

Trợ từ

#050

地
de

đất đai

听到自己顺利通过HSK考试的喜讯，他激动地流下了开心的眼泪。

Tīng dào zìjǐ shùnlì tōngguò HSK kǎoshì de xǐxùn, tā jīdòng de liú xià le kāixīn de yǎnlèi.

Nghe được tin vui mình đã vượt qua kỳ thi HSK một cách suôn sẻ, bạn ấy xúc động đến rơi những giọt nước mắt hạnh phúc.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA

HSK 3

Danh từ

#051

灯
dēng

đèn, ngọn đèn chiếu sáng

夜幕降临，街道两旁的太阳能智能路灯自动亮起，把回家的道路照得格外明亮。

Yè mù jiànglín, jiēdào liǎng páng de tàinăng zhìnéng lùdēng zìdòng liàngqǐ, bǎ huíjiā de dàolù zhào dé géwài míngliàng.

Màn đêm buông xuống, các ngọn đèn đường thông minh năng lượng mặt trời dọc hai bên phố tự động bật sáng, chiếu rọi con đường về nhà sáng bừng rực rỡ.

14 nét

HÁN VIỆT: ĐĂNG

HSK 3

Tính từ

#052

低
dī

thấp, cúi đầu

由于近日北方强冷空气南下，周末全国大部分地区的气温明显偏低，出门记得添衣保暖。

Yóu yú jīnrì běifāng qiánglěng kōngqì nán xià, zhōumò quán guó dà bùfēn dì qū de qì wēn míng xiǎn piān dī, chūmén jìde tiān yī bǎo nuǎn.

Do luồng không khí lạnh mạnh từ phương Bắc tràn xuống phía Nam những ngày gần đây, nhiệt độ phần lớn các khu vực trên cả nước vào dịp cuối tuần xuống thấp rõ rệt, ra ngoài nhớ mặc thêm áo giữ ấm.

10 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ

HSK 3

Danh từ

#053

地方
dì fāng

địa điểm

北京有很多底蕴深厚、景色宜人的著名历史文化古迹地方。

Běijīng yǒu hěn duō dǐyùn shēnhòu, jǐngsè yí rén de zhùmíng lǐshì wénhuà gǔjī dìfāng.

Bắc Kinh có rất nhiều địa danh di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng cảnh sắc hữu tình và chiều sâu văn hóa.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA PHƯƠNG

HSK 3

Danh từ

#054

地铁
dì tiě

tàu điện ngầm

乘坐城市地铁出行不仅快捷准时，还能有效避免地面交通拥堵。

Chéngzhuō chéngshì dìtiě chūxíng bùjīn kuàijié zhǔnshí, hái néng yǒuxiǎo bìmiǎn dīmiǎn jiāotōng yōngdǔ.

Đi lại bằng tàu điện ngầm trong thành phố vừa nhanh chóng đúng giờ lại vừa tránh được cảnh kẹt xe trên mặt đất.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA THIẾT



HSK 3

Danh từ

#055

地图

dì tú

bản đồ

在陌生的城市旅游时，打开手机电子地图导航非常省心便捷。

Zài mòshēng de chéngshì lǚyóu shí, dǎkāi shǒujī diànzǐ dìtú dǎoháng fēicháng shèngxīn biànjié.

Khi đi du lịch ở thành phố xa lạ, mở bản đồ điện tử trên điện thoại chỉ đường vừa yên tâm lại cực kỳ tiện lợi.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA ĐỒ

HSK 3

Danh từ

#056

电梯

diàn tī

Thang máy

高峰期写字楼人流量大，我们直接乘坐高速电梯上到二十层。

Gāofēngqī xiězìlóu rénliúlǐang dà, wǒmen zhíjiē chéngzuò gāosù diàntī shàng dào èrshí céng.

Vào giờ cao điểm lượng người trong tòa nhà văn phòng rất đông, chúng mình đi thang máy tốc độ cao lên thẳng tầng 20 luôn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ĐIỆN THẺ

HSK 3

Danh từ

#057

电子

diàn zǐ

điện tử

越来越多的现代年轻人倾向于在平板电脑上阅读各类电子图书。

Yuè lái yuè duō de xiàndài niánqīng rén qīngxiàng yú zài píngbǎn diànnǎo shàng yuèdú gèlèi diànzǐ túshū.

Ngày càng có nhiều bạn trẻ hiện đại ưa chuộng đọc các loại sách điện tử (e-book) trên máy tính bảng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ĐIỆN TỬ

HSK 3

Động từ

#058

冬

dōng

mùa đông

北方冬天的滑雪场银装素裹，吸引了来自世界各地的滑雪爱好者。

Běifāng dōngtiān de huáxuěchǎng yínzhuāng sùguǒ, xīyīn le láizì shìjiè gèdì de huáxuě àihào zhě.

Khu trượt tuyết vào mùa đông phương Bắc phủ đầy tuyết trắng xóa, thu hút đông đảo người mê trượt tuyết từ khắp nơi.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : ĐÔNG

HSK 3

Động từ

#059

东

dōng

Đông

清晨一轮金黄色的朝阳正缓缓从东边的地平线上升起。

Qīngchén yì lún jīnhóngsè de zhāoyáng zhèng huānhuān cóng dōngbian de dìpíngxiàn shàng shēngqǐ.

Sáng sớm, vầng thái dương đỏ rực ánh vàng đang từ từ nhô lên từ phía đường chân trời đằng đông.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : ĐÔNG

HSK 3

Danh từ

#060

动物

dòng wù

động vật

保护野生动物及其自然栖息环境是全人类共同的重大责任。

Bǎohù yěshēng dòngwù jí qí zìrán qīxī huánjīng shì quán rénlèi gòngtóng de zhòngdà zérèn.

Bảo vệ động vật hoang dã cùng môi trường sống tự nhiên của chúng là trách nhiệm lớn lao chung của toàn nhân loại.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ĐỘNG VẬT

HSK 3

Tính từ

#061

短

duǎn

ngắn (chiều dài, thời gian)

在短短两年的时间里，这个曾经偏远的小山村就依靠发展特色乡村旅游彻底脱贫致富了。

Zài duǎn duǎn liǎng nián de shíjiān lǐ, zhè ge céngjīng piānyuǎn de xiǎo shān cūn jiù yī kào fā zhǎn tè sè xiāng cūn lǚ yóu ché de dī tuō pín zhì fù le.

Chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi vón vẹn hai năm, ngôi làng vùng núi từng hẻo lánh này đã dựa vào việc phát triển du lịch nông thôn đặc sắc để thoát nghèo làm giàu một cách triệt để.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : ĐOẢN

HSK 3

Lượng từ

#062

段

duàn

đoạn

这段时间大家通力合作、加班加点，终于成功拿下了这个大订单。

Zhè duàn shíjiān dàjiā tōnglì hézuò, jiābān jiǎdiǎn, zhōngyú chénggōng ná xià le zhè ge dà dìngdān.

Khoảng thời gian này mọi người đã đồng lòng hợp tác, tăng ca vất vả, cuối cùng cũng giành được đơn hàng lớn này.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : ĐOẠN

HSK 3

Danh từ

#063

锻炼

duàn liàn

tập thể dục

每天清晨坚持跑步半小时，不仅能锻炼身体，还能振奋精神。

Měitiān qīngchén jiānchí pǎobù bàn xiǎoshí, bùjīn néng duànliàn tǐpò, hái néng zhènfèn jīngshén.

Mỗi sáng kiên trì chạy bộ nửa tiếng không chỉ giúp rèn luyện thể chất mà còn khiến tinh thần thêm phấn chấn.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : ĐOẢN LUYỆN



HSK 3

Động từ

#064

多么
duō me

Làm thế nào

老师鼓励大家积极多么，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí duō me, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm thế nào, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐA YÊU

HSK 3

Tính từ

#065

饿
è

đói bụng

经过一整天的高强度登山徒步，大家肚子都饿得咕咕叫了。

jīngguò yì zhěng tiān de gāo qiángdù dēngshān túbù, dàjiā dùzi dōu è de gūgū jiào le.

Sau một ngày dài leo núi đi bộ với cường độ cao, bụng ai nấy đều đói cồn cào sôi lên ục ục.

12 nét

HÁN VIỆT: NGÁ

HSK 3

Liên từ

#066

而且
ér qiě

và

这套新建的高档公寓不仅采光极佳，而且周边生活配套非常齐全。

zhè tào xīnjiàn de gāodàng gōngyù bùjǐn cǎi guāng jí jiā, ér qiě zhōubian shēnghuò pèitào fēicháng qíquán.

Căn hộ cao cấp mới xây này không những đón ánh sáng tự nhiên tuyệt vời mà tiện ích sinh hoạt xung quanh còn vô cùng đầy đủ.

25 nét

HÁN VIỆT: NHỊ THẢ

HSK 3

Danh từ

#067

耳朵
ěr duo

đôi tai

草里的小白兔两只长长的耳朵警惕地竖起来，听着周围的动静。

cǎocóng lǐ de xiǎobáitù liǎng zhī chángcháng de ěrduo jǐngtì de shù qǐlái, tīng zhe zhōuwéi de dòngjīng.

Chú thỏ trắng nhỏ trong bụi cỏ dựng đôi tai dài đứng thẳng lên một cách cảnh giác để nghe ngóng động tĩnh xung quanh.

22 nét

HÁN VIỆT: NHĨ ĐOÁ

HSK 3

Danh từ

#068

发烧
fā shāo

sốt

由于受凉了，他昨晚突发高烧，今天去医院看了门诊医生。

yóuyú shòuliáng zhǎoliáng, tā zuówǎn tūfā gāoshāo, jīntiān qù yīyuàn kàn le ménzhēn yīshēng.

Do bị nhiễm lạnh, đêm qua anh ấy đột ngột phát sốt cao nên hôm nay đã đến bệnh viện khám bác sĩ đa khoa.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÁT THIÊU

HSK 3

Danh từ

#069

发现
fā xiàn

khám phá

在整理旧书房的过程中，他意外发现了一本珍贵的民国古籍。

zài zhěnglǐ jiù shūfáng de guòchéng zhōng, tā yìwài fāxiàn le yì běn zhēnguī de míngguó gǔjí.

Trong lúc dọn dẹp thư phòng cũ, anh ấy tình cờ phát hiện ra một cuốn sách cổ quý giá thời kỳ Dân quốc.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÁT HIỆN

HSK 3

Tính từ / Động từ

#070

方便
fāng biàn

thuận tiện, tiện lợi

随着移动支付与智能手机的全面普及，如今出门只要带上一部手机就能非常方便地乘车和购物。

suí zhe yí dòng zhī fù yǔ zhī nǎng shǒu jī de quán miàn pǔ jí, rú jīn chū mén zhǐ yào dài shàng yì bù shǒu jī jiù néng fēi cháng fāng biàn dì chéng chē hé gòu wù.

Cùng với sự phổ cập toàn diện của điện thoại thông minh và thanh toán di động, ngày nay ra đường chỉ cần mang theo một chiếc điện thoại là có thể đi xe và mua sắm với cùng thuận tiện tiện lợi.

20 nét

HÁN VIỆT: PHƯƠNG TIỆN

HSK 3

Động từ

#071

放
fàng

đặt, để; thả, mở; nghỉ (kỳ nghỉ)

下班回家后，他习惯先把公文包放在玄关柜子上，然后给阳台上的绿植浇水放松心情。

xià bān huí jiā hòu, tā xíguàn xiān bǎ gōngwén bāo fàng zài xuān guān xiān bǎ gōng wén bāo fàng zài yáng tái shàng de lǜ zhí jiāng shuǐ jiāo xīn qíng.

Sau khi tan sở về nhà, anh ấy có thói quen đặt để chiếc cặp tài liệu lên tủ ở tiền sảnh trước, sau đó tưới nước cho các chậu cây xanh trên ban công để thư giãn tinh thần.

12 nét

HÁN VIỆT: PHÓNG

HSK 3

Danh từ

#072

放心
fàngxīn

Hãy yên tâm

您就放一百个心吧，这个项目交给我们资深团队负责绝对稳妥可靠。

nín jiù fàng yì bǎi gè xīn ba, zhè ge xiàngmù jiāo gěi wǒmen zīshēn tuánduì fùzé juéduì wéntuǒ kěkào.

Quý khách cứ yên tâm tuyệt đối nhé, dự án này giao cho đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm của chúng tôi đảm trách thì chắc chắn ổn thỏa tin cậy.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÓNG TÂM



HSK 3

Động từ

#073

分
fēn

điểm

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地分。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì fēn.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách điểm một cách tốt hơn.

13 nét

HÁN VIỆT: PHÂN

HSK 3

Danh từ

#074

附近
fù jìn

gần đó

请问这所大学附近有没有环境安静、适合看书写代码的咖啡馆？

Qǐng wèn zhè suǒ dà xué fù jìn yǒu méi yǒu huán jìng ān jìng, shì hé kàn shù xiě dài mǎ de kā fēi guǎn?

Cho mình hỏi quanh khu trường đại học này có quán cà phê nào không gian yên tĩnh, thích hợp đọc sách gõ code không ạ?

23 nét

HÁN VIỆT: PHỤ CẬN

HSK 3

Danh từ

#075

附近
fù jìn

gần đó

请问这所大学附近有没有环境安静、适合看书写代码的咖啡馆？

Qǐng wèn zhè suǒ dà xué fù jìn yǒu méi yǒu huán jìng ān jìng, shì hé kàn shù xiě dài mǎ de kā fēi guǎn?

Cho mình hỏi quanh khu trường đại học này có quán cà phê nào không gian yên tĩnh, thích hợp đọc sách gõ code không ạ?

23 nét

HÁN VIỆT: PHỤ CẬN

HSK 3

Danh từ

#076

复习
fù xí

đánh giá

下周末考试就要来临，大家都在争分夺秒地认真复习各科重点。

Xià zhōu qímò kǎoshì jiù yào láilín, dàjiā dōu zài zhēng fēn duómǎo de rènzhēn fùxí gè kē zhòngdiǎn.

Tuần sau kỳ thi học kỳ tới rồi, mọi người đều đang tranh thủ từng giây từng phút ôn tập nghiêm túc các kiến thức trọng tâm.

23 nét

HÁN VIỆT: PHỤC TẬP

HSK 3

Tính từ

#077

干净
gān jìng

sạch sẽ

服务员每天都会把酒店客房打扫得一尘不染、格外整洁干净。

Fúwùyuán měitiān dōu huì bǎ jiǔdiàn kèfáng dǎsǎo de yìchén bù rǎn, géwài zhěngjié gānjìng.

Nhân viên phục vụ mỗi ngày đều dọn dẹp phòng khách sạn sạch bong không một hạt bụi, vô cùng ngăn nắp và tinh tươm.

21 nét

HÁN VIỆT: CÁN TĨNH

HSK 3

Động từ năng nguyện / Tính từ

#078

敢
gǎn

dám, can đảm dũng cảm

青年人在学习和工作中要敢于面对未知的挑战，勇于提出自己的创新想法并付诸实践。

Qīng nián rén zài xué xí hé gōng zuò zhōng yào gǎn yú miàn duì wèi zhī de tiǎo zhàn, yǒng yú tí chū zì jǐ de chuàng xīn xiǎng fǎ bìng fù zhǔ shí jiàn.

Thanh niên trong học tập và công việc cần phải dám đối mặt với những thách thức chưa biết, can đảm đưa ra các ý tưởng đối mới sáng tạo của bản thân và đem ra áp dụng vào thực tế.

13 nét

HÁN VIỆT: CẢM

HSK 3

Động từ / Danh từ

#079

感冒
gǎn mào

cảm cúm, cảm mạo

冬春交替时节早晚温差较大，抵抗力较弱的老人和儿童要特别注意防寒保暖、预防感冒。

Dōng chūn jiāo tiē shí jié zǎo wǎn wēn chà jiào dà, dī kàng lì jiào ruò de lǎo rén hé ér tóng yào tè bié zhùyì fáng hán bǎo nuǎn, yù fáng gǎn mào.

Thời điểm giao mùa đông xuân chênh lệch nhiệt độ ngày đêm khá lớn, người già và trẻ nhỏ có sức đề kháng yếu cần đặc biệt chú ý giữ ấm chống lạnh, phòng ngừa cảm cúm cảm mạo.

23 nét

HÁN VIỆT: CẢM MẠO

HSK 3

Phó từ

#080

刚才
gāng cái

Vừa rồi

刚才在走廊遇到王老师，他特意表扬了你近期出色的学习表现。

Gāng cái zài zǒuláng yù dào Wáng lǎoshī, tā tèyì biǎoyáng le nǐ jīnqī chūsè de xuéxí biǎoxiǎn.

Vừa nãy gặp thầy Vương ở hành lang, thầy đã đặc biệt khen ngợi sự thể hiện học tập xuất sắc gần đây của bạn đấy.

20 nét

HÁN VIỆT: CƯƠNG TÀI

HSK 3

Giới từ

#081

根据
gēn jù

Theo

掌握好“根据”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “gēn jù” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “根据” (Theo) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: CĂN CỨ



HSK 3

Liên từ

#082

跟

gēn

theo dõi

周末闲暇时光，我经常喜欢跟三五知心好友一起去郊外露营放松。

Zhōumò xiánxiá shíguāng, wǒ jīngcháng xīhuan gēn sān wǔ zhīxīn háoyǒu yìqǐ qù jiāowài lùyíng fàngsōng.

Thời gian rảnh rỗi cuối tuần, mình rất thích cùng vài ba người bạn tri kỷ đi cắm trại ở ngoại ô để thư giãn.

11 nét

HÁN VIỆT: CĂN

HSK 3

Phó từ

#083

更

gèng

càng, hơn

掌握好“更”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “gèng” de yòngfǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiǎ zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “更” (càng) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

9 nét

HÁN VIỆT: CANH

HSK 3

Danh từ

#084

公园

gōng yuán

công viên

每逢周末，市民们都喜欢带上家人孩子前往城市森林公园露营散心。

Měi féng zhōumò, shìmínmen dōu xīhuan dài shàng jiārén hái zǐ qiánwǎng chéngshì sēnlín gōngyuán lùyíng sǎnxīn.

Mỗi dịp cuối tuần, người dân đều thích đưa gia đình con nhỏ đến công viên rừng của thành phố để cắm trại thư giãn.

21 nét

HÁN VIỆT: CÔNG VIÊN

HSK 3

Danh từ

#085

故事

gù shi

câu chuyện

老爷爷坐在摇椅上，绘声绘色地为孩子们讲述古代英雄传奇的故事。

Lǎo yéye zuò zài yáoyǐ shàng, huìshēng huìsè de wèi háizimén jiǎngshù gùdài yīngxióng chuánqí de gùshi.

Cụ ông ngồi trên chiếc ghế đu, hào hứng kể lại cho đàn cháu nghe những câu chuyện truyền kỳ về các vị anh hùng thời xưa.

23 nét

HÁN VIỆT: CỔ SỰ

HSK 3

Động từ

#086

刮

guā

thổi (gió); cạo (râu, vẩy)

窗外突然刮起了强烈的阵风，不一会儿乌云密布，下起了一场痛快的大雨。

Chuāng wài tū rán guā qǐ le qiángliè de zhènfēng, bù yí huì er wú yún mì bù, xià qǐ le yí cháng tòngkuài de dà yǔ.

Bên ngoài cửa sổ đột nhiên thổi lên những cơn gió giật mạnh mẽ, chẳng mấy chốc mây đen phủ kín bầu trời, đổ xuống một trận mưa rào sáng khoái.

11 nét

HÁN VIỆT: QUÁT

HSK 3

Động từ / Danh từ

#087

关

guān

đóng, tắt (đèn/cửa); cửa ải

为了节约能源并确保居家安全，每天离开办公室前请务必仔细检查并关好所有门窗与电源开关。

Wèi le jié yuē néng yuán bìng què bǎo jiā ān quán, měi tiān lí kāi bàn gōng shì qián qǐng wù bì zì xì jiǎn chá bìng guān hǎo suǒ yǒu mén chuāng yǔ diàn yuán kāi guān.

Để tiết kiệm năng lượng và bảo đảm an toàn cho nhà cửa, mỗi ngày trước khi rời khỏi văn phòng xin hãy chú ý kiểm tra cẩn thận và đóng tắt tất cả cửa sổ, cửa chính cùng các công tắc nguồn điện.

13 nét

HÁN VIỆT: QUAN

HSK 3

Danh từ

#088

关系

guān xì

mối quan hệ

偶尔犯点小错误没关系，只要能吸取经验教训，继续努力就行。

ǒu'ěr fàn diǎn xiǎo cuòwù méi guānxi, zhǐyào néng xīqǔ jīngyàn jiàoxùn, jìxù nǔlì jiù xíng.

Thỉnh thoảng phạm chút sai sót nhỏ không sao đâu, chỉ cần biết rút kinh nghiệm sâu sắc và tiếp tục cố gắng là được.

26 nét

HÁN VIỆT: QUAN HỆ

HSK 3

Danh từ

#089

关心

guān xīn

quan tâm

无论工作多么忙碌，父母始终无微不至地关心着子女的身心健康。

Wúlùn gōngzuò duōme mánglù, fùmǔ shǐzhōng wúwēi búzhǐ de guānxīn zhe zǐnǚ de shēnxīn jiànkāng.

Bất kể công việc bận rộn đến đâu, cha mẹ lúc nào cũng ân cần quan tâm chăm chút từng ly từng tí đến sức khỏe của con cái.

22 nét

HÁN VIỆT: QUAN TÂM

HSK 3

Giới từ

#090

关于

guān yú

Giới thiệu

今天下午的部门例会专门围绕关于年度市场拓展策略展开深入讨论。

Jīntiān xiàwǔ de bùmén lìhuì zhuānmén wéirào guānyú niándù shìchǎng tuòzhǎn cèlùè zhānkāi shēnrù tāolùn.

Cuộc họp thường kỳ chiều nay của phòng ban tập trung thảo luận chuyên sâu về chiến lược mở rộng thị trường thường niên.

27 nét

HÁN VIỆT: QUAN VU



HSK 3

Danh từ

#091

国家

guó jiā

đất nước

来自全球五十多个不同国家和地区的青年学者汇聚一堂交流学术。

Láizi quánqiú wúshí duō gè bùtóng guójiā hé dìqū de qīngnián xuézhě huìjù yìtáng jiāoliú xuéshù.

Các học giả trẻ đến từ hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu cùng tụ tập một nơi để trao đổi học thuật.

18 nét

HÁN VIỆT : QUỐC GIA

HSK 3

Danh từ

#092

果汁

guǒ zhī

nước trái cây

在炎热的午后喝上一杯新鲜现榨的冰镇橙子果汁，格外清爽解渴。

Zài yánrè de wǔhòu hē shàng yì bēi xīnxiān xiànzhà de bīngzhēn chéngzhì guǒzhī, géwài qīngshuǎng jiěkě.

Vào buổi chiều hè oi ả uống một cốc nước ép cam tươi vắt mát lạnh thì thật sảng khoái và giải khát vô cùng.

17 nét

HÁN VIỆT : QUẢ TRẮP

HSK 3

Danh từ

#093

过去

guò qù

quá khứ

过去的挫折与坎坷皆已成为过去，我们要满怀希望地拥抱未来。

Guòqù de cuòzhé yǔ kǎnkě jiē yǐ chéngwéi guòqù, wǒmen yào mǎnhuái xīwàng de yǒngbào wèilái.

Những chông gai và trắc trở đã qua đều đã là dĩ vãng, chúng ta cần tràn đầy hy vọng để đón chào tương lai phía trước.

18 nét

HÁN VIỆT : QUÁ KHỨ

HSK 3

Liên từ

#094

还是

hái shì

Vẫn

请问您今天下午想品尝香浓的热拿铁咖啡，还是清冽的茉莉绿茶呢？

Qǐngwèn nín jīntiān xiàwǔ xiǎng pīncháng xiāngnóng de rè nǎtiě kāfēi, hái shì qīngliè de mólǐ lǜchá ne?

Xin hỏi chiều nay quý khách muốn dùng cà phê latte nóng thơm nồng, hay trà xanh hoa nhài thanh mát ạ?

20 nét

HÁN VIỆT : HOÀN THÌ

HSK 3

Tính từ

#095

害怕

hàipà

sợ hãi

在追求梦想的道路上不要害怕犯错，每一次挫败都是成长的宝贵财富。

Zài zhuīxiú mèngxiǎng de dàolù shàng bùyào hàipà fāncuò, měi yí cì cuòbài dōu shì chéngzhǎng de bǎoguì cáifù.

Trên con đường theo đuổi ước mơ đừng sợ phạm sai lầm, mỗi lần vấp ngã đều là tài sản quý báu giúp ta trưởng thành.

26 nét

HÁN VIỆT : HẠI PHẠ

HSK 3

Danh từ

#096

河

hé

con sông

一条清澈碧绿的古老护城河缓缓流经古镇，倒映着岸边的古朴杨柳。

Yí tiáo qīngchè bìlǜ de gǔlǎo hùchéng hé huǎnhuǎn liú jīng gǔzhèn, dàoyǐng zhe ànbiān de gǔpǔ yángliǔ.

Một con hào thành cổ trong xanh êm đềm chảy qua thị trấn cổ, soi bóng hàng dương liễu mọc ven bờ.

10 nét

HÁN VIỆT : HÀ

HSK 3

Danh từ

#097

黑板

hēi bǎn

bảng đen

同学们请抬起头仔细看黑板上的核心语法例句，并认真做好笔记。

Tóngxuémen qǐng tái tóu zǐxìn kàn hēibǎn shàng de héxīn yǔfǎ lìjù, bìng rènzhēn zuò hào bǐjì.

Các bạn học sinh hãy ngẩng đầu nhìn kỹ ví dụ ngữ pháp trọng tâm trên bảng đen và chép bài cẩn thận nhé.

17 nét

HÁN VIỆT : HẮC BẢN

HSK 3

Danh từ

#098

护照

hù zhào

Hộ chiếu

国际旅行出发前，请务必核对好个人护照的有效期限与签证信息。

Guójí lǚxíng chūfā qián, qǐng wùbì hēi kǎnsānǎo duì hào gèrén hùzhào de yǒuxiào qìxiàn yǔ qiānzhēng xīnxi.

Trước khi khởi hành các chuyến du lịch quốc tế, bạn nhất định phải kiểm tra đối chiếu kỹ thời hạn hộ chiếu và thông tin thị thực nhé.

21 nét

HÁN VIỆT : HỘ CHIẾU

HSK 3

Danh từ / Động từ

#099

花

huā

hoa; tiêu tốn (tiền bạc, thời gian)

春天来了，公园里的各色鲜花争相绽放，吸引了大量市民扶老携幼前去踏青赏花。

Chūn tiān lái le, gōng yuán lǐ de gè sè xiān huā zhēng xiāng zhàn fàng, xī yīn le dà liàng shì mǐn fú lǎo xié yòu qián qù tà qīng shāng huā.

Mùa xuân đã về, muôn sắc hoa tươi trong công viên đua nhau bung nở khoe sắc, thu hút đông đảo người dân dắt già công trẻ cùng nhau đi du xuân ngắm hoa.

12 nét

HÁN VIỆT : HOA



HSK 3

Danh từ

#100

花园

huā yuán

vườn

春暖花开之际，社区中心的小花园里姹紫嫣红、繁花似锦，美不胜收。

Chūn nuǎn huā kāi zhī jì, shèqū zhōngxīn de xiǎo huāyuán lǐ chàzǐ yānhóng, fánhuā sì jīn, měi bù shèng shōu.

Mỗi dịp xuân ấm hoa nở, khu vườn nhỏ giữa trung tâm khu dân cư hoa nở khoe sắc muôn hồng nghìn tía, đẹp không sao tả xiết.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : HOA VIÊN

HSK 3

Động từ

#101

画

huà

vẽ

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地画。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gēng hǎo dì huà.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách vẽ một cách tốt hơn.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : HOẠ

HSK 3

Tính từ

#102

坏

huài

tệ

我的笔记本电脑硬盘突然坏了，不得不拿到专业维修店检修。

Wǒ de biǎobēn diǎnnǎo yǐngpán tūrán huài le, bùdébù nǎ dào zhuānyè wéixiūdiàn jiǎnxiū.

Ổ cứng laptop của mình bỗng nhiên bị hỏng, đành phải mang ra cửa hàng sửa chữa chuyên nghiệp để kiểm tra.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : HOẠI

HSK 3

Danh từ

#103

环境

huán jìng

môi trường

为了保护我们赖以生存的生态环境，大家应当尽量减少使用一次性塑料制品。

Wèile bǎohù wǒmen làiyǐ shēngcún de shēngtài huánjìng, dàjiā yīngdāng jǐnliàng jiǎnshǎo shíyòng yícíxíng sùliào zhìpǐn.

Để bảo vệ môi trường sinh thái mà chúng ta đang sinh sống, mọi người nên hạn chế tối đa việc dùng đồ nhựa dùng một lần.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : HOÀN CẢNH

HSK 3

Động từ

#104

换

huàn

Thay đổi

老师鼓励大家积极换，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dàjiā jīqí huàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Thay đổi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : HOÁN

HSK 3

Tính từ

#105

黄

huáng

màu vàng

金秋十月，香山公园漫山遍野的枫叶变得金黄金黄的，煞是好看。

Jīnqiū shí yuè, Xiāngshān Gōngyuán màنشān biànyě de fēngyè biàn de jīnhuáng jīnhuáng de, shà shì hǎokàn.

Tháng mười mùa thu vàng, lá phong phủ khắp núi đồi Công viên Hương Sơn ngả sang màu vàng óng ả, đẹp đến vô ngần.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : HOÀNG

HSK 3

Danh từ

#106

会议

huì yì

cuộc họp

今天下午两点半，各部门主管将在第一多功能会议厅参加战略会议。

Jīntiān xiàwǔ liǎng diǎn bàn, gè bùmén zhǔguǎn jiāng zài dì yī duō gōngnéng huìyìtīng cānjiā zhàn lüè huìyì.

2 giờ rưỡi chiều nay, các trưởng bộ phận sẽ tham dự cuộc họp chiến lược tại Hội trường đa năng số 1.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : HỘI NGHỊ

HSK 3

Liên từ

#107

或者

huò zhě

hoặc

掌握好“或者”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “huò zhě” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gēng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “hoặc” (hoặc) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : HOẶC GIẢ

HSK 3

Danh từ

#108

机会

jī huì

cơ hội

机会永远留给有准备的人，面对难得的国际交流机遇一定要牢牢把握。

Jīhuì yǒngyuǎn liú gěi yǒu zhǔnbèi de rén, miàn duì nándé de guójì jiāoliú jīyù yīdìng yào láoláo bǎwò.

Cơ hội luôn dành cho những ai có sự chuẩn bị sẵn sàng, đứng trước thời cơ giao lưu quốc tế quý báu này nhất định phải nắm thật chắc.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CƠ HỘI



HSK 3

Phó từ

#109

几乎

jī hū

gần như

掌握好“几乎”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “jī hū” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “几乎” (gần như) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

23 nét

HÁN VIỆT: CƠ HỒ

HSK 3

Phó từ / Danh từ

#110

极

jí

cực kỳ, vô cùng; cực (Nam cực, Bắc cực)

登上泰山玉皇顶极目远眺，群山连绵起伏，云海翻腾，眼前的自然美景极其壮观震撼。

Dēng shàng tài shān yù huáng dǐng jí mù yuǎn tiào, qún shān lián miǎn qǐ fú, yún hǎi fān téng, yǎn qián de zì rán měi jǐng jí qí zhuàng guān zhèn hàn.

Trèo lên Đỉnh Ngọc Hoàng trên núi Thái Sơn phóng tầm mắt nhìn ra xa, non xanh trùng điệp nhấp nhô, biển mây cuộn trào, cảnh đẹp tự nhiên trước mắt vô cùng cực kỳ hùng vĩ tráng quan chấn động lòng người.

10 nét

HÁN VIỆT: CỰC

HSK 3

Động từ

#111

记得

jì de

nhớ, ghi nhớ trong tâm trí

无论我们走得有多远、飞得多高，都永远要记得父母的谆谆教导和故乡养育我们的那方水土。

Wú lùn wǒ men zǒu dé duō yuǎn, fēi dé duō gāo, dōu yǒng yuǎn yào jì de fù mǔ de zhūn zhūn jiào dǎo hé gù xiāng yǎng yù wǒ men de nà fāng shuǐ tǔ.

Bất kể chúng ta có đi xa đến đâu, bay cao đến mức nào, cũng mãi mãi phải ghi nhớ những lời dạy bảo ân cần của cha mẹ và mảnh đất quê hương đã nuôi dưỡng chúng ta nên người.

26 nét

HÁN VIỆT: KÝ ĐẮC

HSK 3

Danh từ

#112

季节

jì jié

mùa

秋天是一年中天高气爽、微风徐徐、令人心旷神怡的美丽季节。

Qiū tiān shì yì nián zhōng tiān gāo qì shuǎng, wēi fēng xú xú, lìng rén shēn xīn shū chāng de měi lì jì jié.

Mùa thu là mùa tươi đẹp nhất trong năm với bầu trời cao trong vắt, gió thổi huu huu mang lại cảm giác sảng khoái cho tâm hồn.

23 nét

HÁN VIỆT: QUÝ TIẾT

HSK 3

Danh từ

#113

检查

jiǎn chá

Kiểm tra

交卷前务必再次逐题仔细检查，确保姓名、准考证号填写准确无误。

Jiāo juǎn qián wù bì zài cì zhù tí zì xì jiǎn chá, què bǎo xìng míng, zhǔn kǎo zhèng hào tián xiě zhǔn què wú wù.

Trước khi nộp bài thi, nhất định phải kiểm tra lại cẩn thận từng câu một, đảm bảo họ tên và số báo danh được điền chính xác không sai sót.

26 nét

HÁN VIỆT: KIỂM TRA

HSK 3

Tính từ

#114

简单

jiǎn dān

đơn giản

这道汉语语法练习题看起来并不复杂，只要掌握基础句式就很容易解答。

Zhè dào Hànyǔ yǔ fǎ liànxí tí kàn qǐ lái bìng bù fù zá, zhǐ yào zhǎng wò jī chǔ jù shì jiù hěn róng yì jiě dá.

Bài tập ngữ pháp tiếng Trung này trông không hề phức tạp chút nào, chỉ cần nắm vững cấu trúc câu cơ bản là trả lời được ngay.

24 nét

HÁN VIỆT: GIẢN ĐƠN

HSK 3

Danh từ

#115

见面

jiàn miàn

gặp gỡ

大学毕业五年后，我们在老校区门口再次重逢见面，感慨万千。

Dà xué bì yè wǔ nián hòu, wǒ men zài lǎo xiào qū mén kǒu zài cì chóng féng jiàn miàn, gǎn kǎi wàn qiān.

Năm năm sau khi tốt nghiệp đại học, chúng tôi gặp lại nhau trước cổng trường xưa, trong lòng dâng trào bao nỗi bồi hồi xúc động.

24 nét

HÁN VIỆT: KIẾN DIỆN

HSK 3

Tính từ

#116

健康

jiàn kāng

sức khỏe

身心健康是实现人生一切远大抱负与幸福生活的最核心基石。

Shēn xīn jiàn kāng shì shí xiàn rén shēng yí qiè yuǎn dà bào fù yǔ xìng fú shēng huó de zuì hé xīn jī shí.

Sức khỏe thể chất và tinh thần dồi dào là nền tảng cốt lõi nhất để hiện thực hóa mọi hoài bão lớn lao và cuộc sống hạnh phúc.

23 nét

HÁN VIỆT: KIẾN KHANG

HSK 3

Động từ

#117

讲

jiǎng

nói

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地讲。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì jiǎng.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách nói một cách tốt hơn.

14 nét

HÁN VIỆT: GIẢNG



HSK 3

Động từ

#118

教
jiāo

dạy dỗ, giảng dạy truyền thụ

退休的老教师每周都会自愿去社区少年宫，耐心地教孩子们练习毛笔书法与中国传统国画。

Tuì xiū de lǎo jiāo shī měi zhōu dū huì zì yuàn qù shè qū shào nián gōng, nài xīn dì jiāo hái zǐ men liàn xī máo bǐ shū fǎ yǔ zhōng guó chuán tǒng guó huà.

Người thầy giáo già về hưu mỗi tuần đều tự nguyện tới Cung Thiêu nhi của khu dân cư, kiên nhẫn dạy dỗ giảng dạy cho các em nhỏ luyện viết thư pháp bút lông và vẽ tranh thủy mặc truyền thống Trung Hoa.

11 nét

HÁN VIỆT : GIÁO

HSK 3

Danh từ

#119

脚
jiǎo

chân, bàn chân; chân núi

千里之行始于足下，只有脚踏实地一步一个脚印地努力奋斗，才能把美好的理想变为现实。

Qiān lǐ zhī xíng shǐ yú zú xià, zhǐ yǒu jiǎo tà shí dì yī bù yí gè jiǎo yìn dì nǚ lì fèn dòu, cái néng bǎ měi hǎo de lǐ xiǎng biàn wéi xiàn shí.

Hành trình ngàn dặm khởi đầu từ dưới bàn chân, chỉ có phần đầu nỗ lực chân thật vững vàng từng bước từng bước in dấu chân, thì mới có thể biến lý tưởng tươi đẹp thành hiện thực.

11 nét

HÁN VIỆT : CƯỚC

HSK 3

Động từ

#120

角
jiǎo

góc

老师鼓励大家积极角，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực góc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT : GIÁC

HSK 3

Động từ

#121

接
jiē

nhặt lên

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地接。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì jiē.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách nhặt lên một cách tốt hơn.

9 nét

HÁN VIỆT : TIẾP

HSK 3

Danh từ

#122

街道
jiē dào

đường phố

夜幕降临，繁华的市中心街道上车水马龙，霓虹灯璀璨夺目。

Yèmù jiànglín, fánhuá de shìzhōngxīn jiēdào shàng chēshuǐ mǎlóng, níhóngdēng cuīcàn duómù.

Màn đêm buông xuống, đường phố trung tâm thành phố sầm uất xe cộ nườm nượp, ánh đèn neon rực rỡ lấp lánh hút mắt.

18 nét

HÁN VIỆT : NHAI ĐẠO

HSK 3

Danh từ

#123

节目
jié mù

chương trình

今晚由留学生艺术团倾情呈现的多元文化联欢晚会节目异彩纷呈。

Jīnwǎn yóu liúxuéshēng yìshùtuán qīngqíng chéngxiàn de duōyuán wénhuà liánhuān wǎnhuì jiémù yìcǎi fēnchéng.

Các tiết mục trong đêm dạ hội văn hóa đa dạng do đoàn nghệ thuật lưu học sinh biểu diễn tối nay vô cùng đặc sắc và lôi cuốn.

25 nét

HÁN VIỆT : TIẾT MỤC

HSK 3

Danh từ

#124

节日
jié rì

lễ hội

中秋节是中华民族象征合家团圆、共享天伦之乐的温馨传统节日。

Zhōngqiūjié shì Zhōnghuá mínzú xiāngzhēng héjiā tuányuán, gòngxiǎng tiānlún zhī lè de wēnxīn chuántǒng jié rì.

Tết Trung thu là ngày lễ truyền thống ấm cúng của dân tộc Trung Hoa, tượng trưng cho sự đoàn tụ sum vầy của cả gia đình.

25 nét

HÁN VIỆT : TIẾT NHẬT

HSK 3

Danh từ

#125

结婚
jié hūn

kết hôn

哥哥和相恋多年的大学同窗好友上个月在海边举行了浪漫的婚礼，正式结婚了。

Gēgē hé xiāngliàn duō nián de dàxué tóngchuāng hǎoyǒu shàng gè yuè zài hǎibiān jǔxíng le làngmǎn de hūnlǐ, zhèngshì jié hūn le.

Anh trai và người bạn gái thời đại học gần bố nhiều năm tháng trước đã tổ chức một hôn lễ lãng mạn bên bờ biển, chính thức kết hôn rồi.

19 nét

HÁN VIỆT : KẾT HÔN

HSK 3

Động từ / Danh từ

#126

结束
jié shù

kết thúc, khép lại hoàn thành

经过为期五天的精彩学术研讨与成果交流，首届国际青年科技创新论坛在全场热烈掌声中圆满结束。

Jīng guò wéi qī wǔ tiān de jīng cǎi xué shù yán tǎo yǔ chéng guó jiāo liú, shǒu jiè guó jì qīng nián kē jì chuàng xīn lùn tán zài quán chǎng rè liè zhǎng shēng zhōng yuán mǎn jié shù.

Trải qua 5 ngày trao đổi thành quả và hội thảo học thuật đặc sắc, Diễn đàn Đổi mới Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật Thanh niên Quốc tế lần thứ nhất đã kết thúc khép lại mỹ mãn trọn vẹn trong tràng pháo tay nhiệt liệt của toàn thể khán phòng.

20 nét

HÁN VIỆT : KẾT THÚC



HSK 3

Danh từ

#127

解决

jiě jué

giải quyết

只要大家集思广益、团结协作，再复杂的难题也终将迎刃而解。

Zhǐyào dàjiā jí sī guāngyì, tuán jié tuō zuò, zài fù zá de nán tí yě zhōng jiāng yíng rèn ér jiě.

Chỉ cần mọi người cùng góp sức đóng góp ý kiến và đoàn kết hợp tác, nan đề phức tạp đến đâu rồi cũng sẽ được giải quyết ổn thỏa.

27 nét

HÁN VIỆT: GIẢI QUYẾT

HSK 3

Giới từ

#128

借

jiè

mượn

你能否将你手头那本刚从图书馆借出的中国当代文学作品借给我翻阅几天？

Nǐ néng fǒu jiāng nǐ shǒu tóu nà běn gāng cóng tú shū guǎn jiè chū de Zhōngguó dāng dài wén xué zuò pǐn jiè gěi wǒ fān yuē jǐ tiān?

Bạn có thể cho mình mượn cuốn tác phẩm văn học đương đại Trung Quốc mà bạn vừa mượn từ thư viện về để đọc vài ngày được không?

9 nét

HÁN VIỆT: TÁ

HSK 3

Phó từ

#129

经常

jīng cháng

thường xuyên

掌握好“经常”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “jīng cháng” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiǎ zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “经常” (thường xuyên) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

25 nét

HÁN VIỆT: KINH THƯỜNG

HSK 3

Giới từ

#130

经过

jīng guò

đã vượt qua

经过长达半年的刻苦训练与不懈努力，他的汉语水平有了质的飞跃。

Jīngguò cháng dá bàn nián de kèkǔ xùnliàn yǔ bù xié nǔ lì, tā de Hànyǔ shuǐpíng yǒu le zhì de fēiyuè.

Trải qua suốt nửa năm ròng rèn luyện gian khổ và nỗ lực không ngừng, trình độ tiếng Trung của anh ấy đã có bước nhảy vọt về chất.

21 nét

HÁN VIỆT: KINH QUÁ

HSK 3

Danh từ

#131

经理

jīng lǐ

người quản lý

部门张经理不仅专业技能扎实出众，而且在日常管理中非常关照新人。

Bùmén Zhāng jīnglǐ bùjǐn zhuānyè jīnéng zhāshí chūzhòng, érqiě zài rìcháng guǎnlǐ zhōng fēicháng guānzào xīnrén.

Giám đốc Trưởng của phòng ban không chỉ có kỹ năng chuyên môn vững vàng vượt trội mà trong công việc hàng ngày còn rất tận tình nâng đỡ nhân viên mới.

21 nét

HÁN VIỆT: KINH LÝ

HSK 3

Động từ

#132

久

jiǔ

lâu rồi

老师鼓励大家积极久，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lâu rồi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: CỬU

HSK 3

Tính từ

#133

旧

jiù

cũ, xưa, đã qua sử dụng

城市更新改造项目在保留历史古建筑旧貌风采的同时，全面升级了社区管网与现代化公共服务设施。

Chéng shì gēng xīn gǎi zào xiàng mù zài bǎo liú lì shǐ gù jiàn zhù jiù mào fēng cái de tóng shí, quán miàn shēng jí le shè qū guǎn wǎng yǔ xiàn dài huà gōng gòng fú wù shè shī.

Dự án cải tạo làm mới đô thị trong khi giữ nguyên phong thái diện mạo cũ của các công trình kiến trúc cổ lịch sử, đã nâng cấp toàn diện mạng lưới đường ống cùng các cơ sở dịch vụ công cộng hiện đại hóa của khu dân cư.

13 nét

HÁN VIỆT: CỰU

HSK 3

Danh từ

#134

举行

jǔ xíng

giữ

学校定于下周五上午在大礼堂隆重举行一年一度的新生开学典礼。

Xuéxiào dìng yú xià zhōu wǔ shàngwǔ zài dà lǐ táng lǒngzhòng jǔxíng yí nián yí dù de xīnshēng kāixué diǎnlǐ.

Nhà trường dự kiến sẽ long trọng tổ chức lễ khai giảng tân sinh viên thường niên tại Đại lễ đường vào sáng thứ Sáu tuần sau.

23 nét

HÁN VIỆT: CỬ HÀNH

HSK 3

Danh từ

#135

句子

jù zǐ

câu

请同学们运用所学的生词和语法点，尝试写出逻辑严密、表达地道的中文句子。

Qǐng tóng xuémen yùnyòng suǒ xué de shēngcí hé yǔfǎ diǎn, chángshì xiě chū luójì yándì, biǎodá dìdào de Zhōngwén jùzǐ.

Mời các bạn học sinh vận dụng từ mới và điểm ngữ pháp đã học để thử đặt những câu tiếng Trung chuẩn ngữ pháp và giàu tính bản xứ.

20 nét

HÁN VIỆT: CÂU TỬ



HSK 3

Danh từ

#136

决定

jué dìng

quyết định

经过慎重的权衡与全家人的充分沟通，他毅然决定去北京大学深造。

Jīngguò shènzhòng de quánhéng yǔ quán jiārén de chōngfēn gōutōng, tā yǎn juéding qù Běijīng Dàxué shēnzào.

Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng và trao đổi thấu đáo cùng cả gia đình, bạn ấy đã dứt khoát quyết định đến Đại học Bắc Kinh học nâng cao.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : QUYẾT ĐỊNH

HSK 3

Tính từ

#137

渴

kě

khát nước

打完一场酣畅淋漓的篮球赛后，大家口渴难耐，迫不及待地畅饮温水。

Dǎ wán yì chǎng hānchàng línlí de lánqiú sàihòu, dàjiā kǒu kě nán nài, pòbùjídài de chāngyǐn wēnshuǐ.

Chơi xong một trận bóng rổ đã đời sáng khoai, ai nấy đều khát khô cổ họng, nóng lòng muốn uống ngay những ngụm nước ấm.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : KHÁT

HSK 3

Tính từ

#138

可爱

kě ài

dễ thương

院子里这只毛茸茸的小猫咪眨巴着圆溜溜的大眼睛，真是可爱极了！

Yuànzǐ lǐ zhè zhī máorōngrōng de xiǎomāomī zhābā zhe yuánliúlíu de dà yǎnjīng, zhēn shì kě'ài jí le!

Chủ mèo con lông xù trong sân chớp chớp đôi mắt tròn xoe to tròn, trông đáng yêu hết nấc luôn!

📖 21 nét

HÁN VIỆT : KHẢ ÁI

HSK 3

Lượng từ / Động từ / Danh từ

#139

刻

kè

khắc (15 phút); khắc chạm; thời khắc

当神舟载人飞船成功对接空间站核心舱的那一刻，北京航天飞控中心大厅内响起了经久不息的欢呼声。

Dāng shén zhōu zài rén fēi chuán chénggōng duì jiē kōng jiān zhàn hé xīn cāng de nà yí kè, Běijīng háng tiān fēi kòng zhōng xīn dà tīng nèi xiǎng qǐ le jīng jiǔ bù xī de huān hū shēng.

Vào đúng thời khắc khoảnh khắc tàu vũ trụ có người lái Thần Châu ghép nối thành công với khoang lõi của Trạm vũ trụ, bên trong đại sảnh Trung tâm Điều khiển Bay Hàng không Vũ trụ Bắc Kinh đã vang lên những tràng reo hò rộn rã không dứt.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : KHẮC

HSK 3

Danh từ

#140

客人

kè rén

khách

今晚有几位重要的远方贵客莅临家中做客，妈妈特意准备了丰盛的特色家常菜。

Jīnwǎn yǒu jǐ wèi zhòngyào de yuǎnfāng guìkè lín jiā zhōng zuòkè, māma tèyì zhǔnbèi le fēngshèng de tèsè jiāchángcài.

Tối nay có mấy vị khách quý phương xa ghé thăm nhà, mẹ đã đặc biệt chuẩn bị một mâm cơm gia đình thịnh soạn toàn món đặc sản.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : KHÁCH NHÂN

HSK 3

Động từ

#141

空调

kōng tiáo

Điều hòa không khí

炎热盛夏，将室内中央空调温度设定在二十六度既舒适宜人又节能环保。

Yánrè shèngxià, jiāng shì nèi zhōngyāng kōngtiáo wēndù shèdìng zài èrshíliù dù jì shùshì yí rén yòu jiénéng huánbảo.

Giữa trưa hè oi ả, cài đặt nhiệt độ điều hòa trung tâm ở mức 26 độ C vừa mát mẻ để chịu lại vừa tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : KHÔNG ĐIỀU

HSK 3

Danh từ / Lượng từ

#142

口

kǒu

miệng, mồm; cửa ngõ; nhân khẩu (lượng từ)

在炎热口渴的夏天喝上一口冰镇绿豆汤，顿时让人感到从头到脚一阵清爽与舒畅。

Zài yán rè kǒu kě de xià tiān hē shàng yí kǒu bīng zhèn lǜ dòu tāng, dùn shí rǎng rén gǎn dào cóng tóu dào jiǎo de yí zhēn qīng shuǎng yǔ shū chāng.

Uống một ngụm một hớp canh đậu xanh ướp lạnh vào mùa hè nóng nực khát nước, ngay tức khắc khiến con người cảm thấy một luồng sáng khoái để chịu mát lạnh từ đầu tới chân.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : KHẨU

HSK 3

Tính từ

#143

哭

kū

khóc

找不到妈妈的迷路幼童站在街角伤心地嚎啕大哭，热心路人纷纷上前安抚。

Zhǎo bú dào māma de mílù yòutóng zhàn zài jiējiǎo shāngxīn de háotáo dàkū, rèxīn lùrén fēnfēn shàngqián ānfú.

Bé con bị lạc không tìm thấy mẹ đứng nơi góc phố khóc nức nở đau lòng, người đi đường tốt bụng vội vã tiến lại dỗ dành.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : KHÓC

HSK 3

Danh từ

#144

裤子

kù zi

quần

这件经典剪裁的深蓝色商务休闲长裤穿在身上既合身挺拔又透气舒适。

Zhè jiàn jīngdiǎn jiǎncái de shēnlánsè shāngwù xiūxián chángkù chuān zài shēn shàng jì héshēn tǐngbá yòu tòuqì shūshì.

Chiếc quần dài công sở màu xanh lam đậm cắt may cổ điển này mặc vào người vừa vặn đứng phom lại rất thoáng khí và êm ái.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : KHỔ TỬ


HSK 3

Danh từ

#145

筷子

kuài zi

đũa

中国饮食文化博大精深，学会灵活熟练地使用筷子是用餐礼仪的重要一部分。

Zhōngguó yǐnshí wénhuà bódà jīngshēn, xuéhuì líng huó shúliàn de shíyòng kuàizi shì yòngcān lǐyí de zhòngyào yí fēn.

Văn hóa ẩm thực Trung Hoa uyên thâm sâu sắc, học cách dùng đũa linh hoạt và thành thạo là một phần nghi thức bàn ăn quan trọng.

21 nét

HÁN VIỆT : KHOÁI TỬ

HSK 3

Tính từ

#146

蓝

lán

màu xanh

海岛的早晨微风和畅，碧波万顷的大海与蔚蓝无际的天空融为一体。

Hǎidǎo de zǎochén wēifēng héchàng, bībō wànqǐng de dàhǎi yǔ wèilán wújì de tiānkōng róng wéi yītǐ.

Buổi sớm trên đảo biển gió hiu hiu thổi, mặt biển xanh biếc mênh mông như hòa làm một với vòm trời xanh ngắt vô tận.

8 nét

HÁN VIỆT : LAM

HSK 3

Tính từ

#147

老

lǎo

cũ

王老教授毕生致力于中国古代文学研究，治学严谨，深受同行学者尊崇。

Wáng lǎo jiàoshòu bīshēng zhìlì yú Zhōngguó gǔdài wénxué yánjiū, zhìxué yánjīn, shēn shòu tóng háng xuézhě zūnchóng.

Giáo sư Vương cả đời cống hiến cho nghiên cứu văn học cổ đại Trung Quốc, tác phong học thuật chuẩn mực, được giới học giả vô cùng kính trọng.

10 nét

HÁN VIỆT : LÃO

HSK 3

Danh từ

#148

离开

lí kāi

rời đi

列车缓缓驶出站台的那一刻，他依依不舍地挥手告别了生活四年的大学校园。

Lièchē huǎnhuǎn shǐ chū zhàntái de nà yí kè, tā yīyī bùshě de huīshǒu gàobié le shēnghuó sì nián de dàxué xiàoyuán.

Khoảnh khắc chuyến tàu từ từ lăn bánh khỏi sân ga, anh ấy quyến luyến vẫy tay từ biệt khuôn viên trường đại học nơi mình đã gắn bó suốt 4 năm ròng.

24 nét

HÁN VIỆT : LY KHAI

HSK 3

Danh từ

#149

礼物

lǐ wù

quà tặng

这是一份凝聚着全班同学真挚祝福的精美纪念礼物，请您务必收下。

Zhè shì yí fēn níngjù zhe quán bān tóngxué zhēnzhì zhùfú de jīngměi jìnián lǐwù, qǐng nín wúbì shōuxià.

Đây là món quà kỷ niệm tinh xảo kết tinh những lời chúc chân thành nhất của toàn thể các bạn trong lớp, xin thấy/cô nhận cho ạ.

22 nét

HÁN VIỆT : LỄ VẬT

HSK 3

Danh từ

#150

历史

lì shǐ

lịch sử

中国是举世闻名的文明古国，拥有五千年未曾中断的灿烂悠久历史。

Zhōngguó shì jǔshì wénmíng de wénmíng gúguó, yǒngyǒu wúqián duō nián wèicéng zhōngduàn de cànlàn yǒujiǔ lìshǐ.

Trung Quốc là quốc gia văn minh cổ đại lừng danh thế giới, sở hữu hơn 5.000 năm lịch sử rực rỡ lâu đời không hề bị đứt đoạn.

20 nét

HÁN VIỆT : LỊCH SỬ

HSK 3

Danh từ

#151

脸

liǎn

khuôn mặt, bộ mặt, gương mặt

看到学生们在国际技能大赛上荣获特等奖的喜讯，老校长的脸上露出了欣慰无比的自豪笑容。

Kàn dào xuéshēng men zài guó jì jì néng dà sài shàng róng huò tè děng jiǎng de xǐ xùn, lǎo xiào zhǎng de liǎn shàng lù chū le xīn wèi wú bǐ de zì háo xiào róng.

Nhìn thấy tin vui các học sinh đoạt giải đặc biệt tại Cuộc thi Kỹ năng Quốc tế, trên khuôn mặt gương mặt người thầy hiệu trưởng lão thành đã nở nụ cười tự hào và vô cùng mãn nguyện an lòng.

13 nét

HÁN VIỆT : KIỂM

HSK 3

Danh từ

#152

练习

liànxí

luyện tập

想要克服开口说外语的紧张心理，唯一的秘诀就是每天坚持多听、多模仿、多练习。

Xiǎng yào kèfú kāikǒu shuō wàiyǔ de jǐnzhāng xīnlǐ, wéiyí de mìjué jiùshì měitiān jiānchí duō tīng, duō mófǎng, duō liànxí.

Muốn vượt qua tâm lý ngại ngùng khi mở lời nói ngoại ngữ, bí quyết duy nhất là mỗi ngày kiên trì nghe nhiều, bắt chước nhiều và luyện tập thật nhiều.

24 nét

HÁN VIỆT : LUYỆN TẬP

HSK 3

Lượng từ

#153

辆

liàng

xe cộ

掌握好“辆”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “liàng” de yòngfǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “辆” (xe cộ) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

14 nét

HÁN VIỆT : LƯỢNG



HSK 3

Động từ / Danh từ

#154

了解

liǎo jiě

thấu hiểu, tìm hiểu nắm bắt thông tin

为了深入了解基层群众在看病就医方面的急难愁盼问题，调查组深入多家乡村卫生院开展现场走访。

Wèi le shēn rù liǎo jiě jī céng qún zhòng zài kàn bìng jiù yī fāng miàn de jí nán chóu pàn wèn tí, diào chá zǔ shēn rù duō jiā xiāng cūn wèi shēng yuàn kāi zhǎn xiǎng zōu fǎng.

Để tìm hiểu thấu hiểu sâu sắc những khó khăn, trở ngại của bà con nhân dân cơ sở trong việc khám chữa bệnh, tổ điều tra đã đi sâu tới nhiều trạm y tế nông thôn để triển khai khảo sát thực tế tại hiện trường.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: LIỄU GIẢI

HSK 3

Danh từ

#155

邻居

lín jū

hàng xóm

俗话说“远亲不如近邻”，我们小区里的邻里关系非常和睦融洽、守望相助。

Súhuà shuō “yuǎnqīn bùrú jìnlín”, wǒmen xiǎoqū lǐ de línlí guānxì fēicháng hémù róngqià, shǒuwǎng xiāngzhù.

Tục ngữ có câu ‘Bán anh em xa mua láng giềng gần’, bà con lối xóm trong khu chung cư của chúng tôi sống rất chan hòa, tương trợ lẫn nhau.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: LÂN CƯ

HSK 3

Động từ

#156

楼

lóu

tòa nhà

老师鼓励大家积极楼，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí lóu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tòa nhà, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: LÂU

HSK 3

Tính từ

#157

绿

lǜ

màu xanh lá cây

春雨过后，漫山遍野的树林洗尽铅华，焕发出一派苍翠欲滴的勃勃绿意。

Chūnyǔ guòhòu, mànsān biànyě de shùlín xǐ jìn qiānhuá, huànfā chū yí pài cāngcuī yǔ dī de bó bó lǜyì.

Sau cơn mưa xuân, rừng cây bạt ngàn rửa sạch bụi trần, bừng lên sắc xanh tươi non mơn mơn tràn đầy sức sống.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: LỤC

HSK 3

Danh từ

#158

马

mǎ

con ngựa

辽阔广袤的呼伦贝尔大草原上，成群结队的骏马在蓝天下自由奔腾。

Liáokuò guǎngmào de Hūlúnbèi'ěr dà cǎoyuán shàng, chéngqún jiéduì de jùnmǎ zài lántiān xià zìyóu bēnténg.

Trên thảo nguyên Hulunbuir bao la rộng lớn, từng đàn tuần mã dũng mãnh phi nước đại tự do dưới vòm trời xanh.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: MÃ

HSK 3

Phó từ

#159

马上

mǎ shàng

Ngay lập tức

掌握好“马上”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “mǎ shàng” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “马上” (Ngay lập tức) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: MÃ THƯỢNG

HSK 3

Tính từ / Động từ

#160

满意

mǎn yì

hài lòng, thỏa mãn ưng ý

政务服务大厅推行“一网通办”后，办事效率显著提升，群众对政务窗口的服务满意度高达百分之九十九。

Zhèng wù fú wù dà tīng tōng xíng “yī wǎng tōng bàn” hòu, bàn shì xiào lǜ xiǎo lù xiǎn zhù tí shēng, qún zhòng duì zhèng wù chuāng kǒu de fú wù mǎn yì dà gāo dá bǎi fēn zhī jiǔ shí jiǔ.

Sau khi sảnh dịch vụ hành chính công triển khai ‘Một cửa thông suốt trực tuyến’, hiệu suất giải quyết thủ tục nâng cao rõ rệt, mức độ hài lòng ưng ý của quần chúng nhân dân đối với dịch vụ của các quầy hành chính đạt tới 99%.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: MÃN Ý

HSK 3

Danh từ

#161

帽子

mào zi

mũ

在严寒的冬日里户外徒步，戴上一顶加厚防风的羊毛保暖帽子十分必要。

Zài yánhán de dōng rì lǐ hù wài tú bù, dài shàng yí dīng jiā hòu fáng fēng de yáng máo bǎo nuǎn mào zi shí fēn bì yào.

Đi bộ dã ngoại ngoài trời vào những ngày đông giá rét, việc đội thêm chiếc mũ len lót bông dày chắn gió giữ ấm là hết sức cần thiết.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: MẠO TỬ

HSK 3

Lượng từ

#162

米

mǐ

mét

我们所租住的这处安静单身公寓距离最近的换乘地铁站仅仅只有两百米路程。

Wǒmen suǒ zū zhù de zhè chù ānjìng dānshēn gōngyǔ jù lí zuì jìn de huànchéng dìtiězhàn jǐn jīn zhī yǒu liǎng bǎi mǐ lùchéng.

Căn hộ khép kín yên tĩnh mà chúng mình đang thuê chỉ cách ga tàu điện ngầm trung chuyển gần nhất vỏn vẹn 200 mét đi bộ.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: MỄ



HSK 3

Danh từ

#163

面包

miàn bāo

bánh mì

清晨街角面包店新鲜出炉的全麦面包散发着诱人的麦香，吸引了许多赶着上班的年轻人排队购买。

Qīng chén jiē jiǎo miàn bāo diàn xīn xiān chū lú de quán mài miàn bāo sǎn fā zhe yòu rén de mài xiāng, xī yīn le xǔ duō gǎn zhe shàng bān de nián qīng rén pái duì gòu mǎi.

Món bánh mì nguyên cám tươi mới vừa ra lò ở tiệm bánh mì góc phố sáng sớm tỏa ra hương thơm lúa mì quyến rũ, thu hút rất nhiều bạn trẻ đang vội đi làm xếp hàng mua sắm.

19 nét

HÁN VIỆT : DIỆN BAO

HSK 3

Danh từ

#164

面条

miàn tiáo

mì

生日当天按照中国传统习俗吃一碗热气腾腾、寓意健康长寿的长寿面条。

Shēng rì dāng tiān àn zhào Zhōngguó chuántǒng xísù chí yì wǎn rèqì téngténg, yù yì jiànkāng chángshòu de chángshòu miàn tiáo.

Vào đúng ngày sinh nhật, theo phong tục truyền thống của người Trung Quốc sẽ ăn một bát mì trường thọ nóng hổi mang ý nghĩa cầu chúc sức khỏe sống lâu.

23 nét

HÁN VIỆT : DIỆN ĐIỀU

HSK 3

Tính từ

#165

明白

míng bai

Hiểu

听完李老师深入浅出、结合实战案例的详细拆解后，大家终于彻底明白了核心原理。

Tīng wán Lǐ lǎoshī shēnrù qiǎnchū, jiéhé shízhàn ànlì de xiǎngxī chāijiě hòu, dàjiā zhōngyú chèdǐ míngbai le héxīn yuánlǐ.

Sau khi nghe thầy Lý giải thích cặn kẽ, để hiểu kết hợp ví dụ thực tế, mọi người cuối cùng cũng đã thấu suốt trọn vẹn nguyên lý cốt lõi.

20 nét

HÁN VIỆT : MINH BẠCH

HSK 3

Động từ

#166

拿

ná

cầm, lấy, nắm giữ trong tay

青年工匠手里拿着精密游标卡尺，一丝不苟地对航空发动机叶片的微米级公差进行反复测量核对。

Qīng nián gōngjiàng shǒu lǐ ná zhe jīng mì yóu biāo kǎ chǐ, yī sī bù gǒu duì fēi háng kōng fā dòng jī yè piàn de wēi mǐ jī gōng chāi jīn xíng fǎn fù cè liáng hé duì.

Người thợ trẻ tuổi trong tay cầm lấy chiếc thước cặp panme độ chính xác cao, tỉ mỉ cẩn thận từng li từng tí tiến hành đo đạc đối chiếu nhiều lần dung sai ở cấp độ micromet của cánh quạt động cơ hàng không.

11 nét

HÁN VIỆT : NÁ

HSK 3

Danh từ

#167

奶奶

nǎi nai

bà

慈祥和蔼的奶奶今年虽已年过古稀，但依然精神饱满、热爱生活，每天都在院子里养花弄草。

Cíxiáng hé'ǎi de nǎinai jīnnián suī yǐ nián guò gūxī, dàn yīrán jīngshén bǎomǎn, rè'ài shēnghuó, měitiān dōu zài yuánzi lǐ yǎnghuā nòngcǎo.

Người bà hiền từ nhân hậu năm nay tuy đã ngoài 70 nhưng vẫn tràn đầy năng lượng và yêu đời, ngày ngày chăm sóc cây hoa trong vườn nhỏ.

26 nét

HÁN VIỆT : NÃI NÃI

HSK 3

Động từ

#168

南

nán

miền Nam

老师鼓励大家积极南，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极南，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí nán, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì. Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực miền Nam, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT : NAM

HSK 3

Tính từ / Danh từ

#169

难

nán

khó khăn, nan giải; nạn hoạn nạn

世上无难事，只要肯登攀；只要我们坚定信心、团结奋斗，就一定能克服前进路上的一切困难。

Shì shàng wú nán shì, zhǐ yào kěn dēng pān; zhǐ yào wǒ men jiān dìng xìn xīn, tuán jié fèn dòu, jiù yí dìng néng kè fú qián jìn lù shàng de yí qiè kùn nán.

Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền trèo đỉnh cao; chỉ cần chúng ta kiên định niềm tin, đoàn kết phấn đấu thì nhất định sẽ khắc phục vượt qua được mọi khó khăn gian khổ trên con đường tiến lên.

14 nét

HÁN VIỆT : NAN

HSK 3

Tính từ

#170

难过

nán guò

buồn

得知多年悉心照料的宠物猫不幸走失的消息，全家人心里都十分难过。

Déi dī duō nián xīxīn zhàoliào de chǒngwù māo bùxìng zǒushī de xiāoxi, quán jiārén xīn lǐ dōu shìfēn nánguò.

Nhận được tin chú mèo cưng gần bỏ chăm sóc bấy lâu không may bị lạc mất, cả nhà ai nấy đều vô cùng đau buồn.

23 nét

HÁN VIỆT : NAN QUÁ

HSK 3

Danh từ

#171

年级

nián jí

lớp

我的侄女今年正在实验小学读四年级，不仅学习名列前茅，钢琴也弹得极好。

Wǒ de zhīnǚ jīnnián zhèngzài shíyàn xiǎoxué dú sì niánjí, bùjīn xuéxí míngliè qiánmáo, gāngqín yě tán de jí hǎo.

Cháu gái tôi năm nay đang học lớp 4 tại Trường Tiểu học Thực nghiệm, học tập vừa đứng top đầu mà chơi đàn piano cũng rất cừ.

24 nét

HÁN VIỆT : NIÊN CẤP



HSK 3

Tính từ

#172

年轻

nián qīng

trẻ tuổi, thanh xuân trẻ trung

在这支屡创奇迹的国家深空探测科研团队中，骨干成员的平均年龄只有三十多岁，是一支年轻充满活力的队伍。

Zài zhè zhī lǚ chuàng qíjì de guójiā shēn kōng tàn cè kē yán tuán duì zhōng, gǔ gàn chéng yuán de píng jūn nián líng zhǐ yǒu sān shí duō suì, shì yī zhī nián qīng chōng mǎn huó lì de duì wǔ.

Trong đội ngũ nghiên cứu khoa học thám trắc không gian sâu quốc gia liên tiếp lập nên những kỷ tích này, độ tuổi trung bình của các thành viên cốt cán chỉ hơn ba mươi tuổi, là một đội ngũ trẻ trung trẻ tuổi tràn trề sức sống.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NIÊN KHINH

HSK 3

Động từ

#173

鸟

niǎo

chim

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地鸟。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gēng hǎo dì niǎo,

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách chim một cách tốt hơn.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU

HSK 3

Tính từ

#174

努力

nǔ lì

làm việc chăm chỉ

成功的道路从来没有捷径可走，唯有日积月累的勤奋努力才能助你实现理想抱负。

Chénggōng de dàolù cóng lái méi yǒu jiéjīng kě zǒu, wéiyǒu rìjī yuèlěi de qínfēn nǔlì cái néng zhù nǐ shíxiàn lǐxiǎng bàofù.

Con đường thành công chưa bao giờ có đường tắt, chỉ có sự nỗ lực chăm chỉ tích lũy ngày qua ngày mới giúp bạn hiện thực hóa hoài bão ước mơ.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: NỖ LỰC

HSK 3

Danh từ

#175

爬山

pá shān

leo núi

周末清晨和同事们结伴去郊外爬山登高，既能呼吸清新空气，又能强身健体、放松心情。

Zhōumò qīngchén hé tóngshìmen jiébàn qù jiāowài páshān dēnggāo, jì néng hūxī qīngxīn kōngqì, yòu néng qiángshēn jiàntǐ, fàngsōng shēnxīn.

Sáng sớm cuối tuần rủ đồng nghiệp cùng nhau leo núi ở ngoại ô, vừa hít thở bầu không khí trong lành vừa rèn luyện thể lực và thư thái đầu óc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: BÒ SƠN

HSK 3

Danh từ

#176

盘子

pán zi

tấm

请大家小心端起这个盛满刚出锅热菜的青花瓷盘子，谨防烫手。

Qǐng dàjiā xiǎoxīn duǎn qǐ zhè ge chéng mǎn gāng chū guō rè cài de qīnghuā cí pánzi, jǐnfáng tàngshǒu.

Mời mọi người cẩn thận bưng chiếc đĩa sứ hoa lam đựng đầy thức ăn nóng hổi vừa ra lò này nhé, kéo bị bỏng tay.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BÀN TỬ

HSK 3

Tính từ

#177

胖

pàng

béo

通过半年科学规律的体育锻炼与健康饮食，他成功减重，不再显得臃肿发胖。

Tōngguò bàn nián kēxué guīlǜ de tǐyù duànliàn yǔ jiànkāng yǐnshí, tā chénggōng jiǎnzhòng, bú zài xiǎnde yōngzhǒng fāpàng.

Nhờ nửa năm kiên trì tập thể dục khoa học và ăn uống lành mạnh, anh ấy đã giảm cân thành công, không còn cảm giác thừa cân béo phì nữa.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: BÀN

HSK 3

Danh từ

#178

啤酒

pí jiǔ

bia

炎炎夏日，三五好友聚在露天大排档吃烧烤、畅饮冰镇鲜啤酒，真是快意人生。

Yányán xià, sān wǔ hǎoyǒu jù zài lùtiān dàpáidǎng chī shāokǎo, chàngyǐn bīngzhēn xiān pījiǔ, zhēn shì kuàiyì rénsēng.

Giữa trưa hè oi ả, vài ba người bạn tụ tập bên quán nướng vỉa hè ăn đồ nướng và uống bia tươi ướp lạnh, quả là sảng khoái tuyệt vời.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: BIA TỬU

HSK 3

Danh từ

#179

葡萄

pú tao

nhô

新疆吐鲁番产地直采的无核紫葡萄晶莹剔透，甘甜多汁，风味绝佳。

Xīnjiāng Tǔlǔfān chāndì zhícai de wúhé zǐ pútáo jīngyíng tītòu, gāntián duōzhī, fēngwèi juéjiā.

Nhờ tím không hạt hái trực tiếp từ vùng Turpan Tân Cương quả trong veo mọng nước, vị ngọt thanh tuyệt hảo.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: BỐ ĐÀO

HSK 3

Danh từ

#180

普通话

pǔ tōng huà

tiếng quan thoại

随着中国与世界各国经贸往来的深化，海外学习标准普通话的热潮方兴未艾。

Suízhe Zhōngguó yǔ shìjiè gèguó jīngmào wǎnglái de shēnhuà, hǎiwài xuéxí biāozhǔn Pǔtōnghuà de rècháo fāngxīng wèihài.

Cùng với sự sâu sắc trong giao thương giữa Trung Quốc và thế giới, phong trào học tiếng Phổ thông chuẩn ở nước ngoài đang dâng cao mạnh mẽ.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: PHỔ THÔNG THOẠI



HSK 3

Động từ

#181

骑
 qí

đi xe

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地骑。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì qí.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách đi xe một cách tốt hơn.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : **KY**

HSK 3

Danh từ

#182

其实
 qí shí

Trên thực tế

许多人总觉得中文声调很难，其实只要找对方法并每天跟读模仿，很快就能掌握。

Xǔ duō rén zǒng jué de Zhōngwén shēngdiào hěn nán, qí shí zhǐ yào zhǎo duì fāng fǎ bìng měi tiān gēndú mófǎng, hěn kuài jiù néng zhǎngwò.

Nhiều người cứ nghĩ thanh điệu tiếng Trung rất khó, thực ra chỉ cần tìm đúng phương pháp và kiên trì nhại giọng mỗi ngày thì sẽ nắm bắt rất nhanh.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **KỶ THỰC**

HSK 3

Đại từ

#183

其他
 qí tā

Khác

掌握好“其他”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “qí tā” de yòng fǎ, néng ràng Zhōngwén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “其他” (Khác) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : **KỶ THA**

HSK 3

Tính từ / Động từ

#184

奇怪
 qí guài

kỳ lạ, kỳ quái lạ lùng; lầy lăm lạ

地质学家在青藏高原万米深层钻探中发现了一种结构奇怪的远古矿物结晶，引起了国际矿物学界的极大兴趣。

Dì zhì xué jiā zài qīng zàng gāo yuán wàn mǐ shēn céng zuān tàn zhōng fā xiàn le yī zhǒng jié gòu qí guài de yuǎn gù kuàng wù jié jīng, yīn qǐ le guó jì kuàng wù xué jiè de jí dà xìng qù.

Các nhà địa chất học trong đợt khoan thăm dò tầng sâu vạn mét trên cao nguyên Thanh Tạng đã phát hiện ra một loại tinh thể khoáng vật cổ xưa có cấu trúc kỳ lạ lạ lùng, thu hút sự quan tâm to lớn của giới khoáng vật học quốc tế.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **CƠ QUÁI**

HSK 3

Danh từ

#185

铅笔
 qiān bǐ

bút chì

初学汉字书写时，老师建议使用2B木质铅笔以便于随时擦除和纠正笔画错误。

Chū xué Hànzì shūxiě shí, lǎoshī jiànyì shǐyòng 2B mùzhì qiānbǐ yǐ biànyú suíshí cǎichú hé jiūzhèng bǐhuà cuòwù.

Khi mới bắt đầu tập viết chữ Hán, thầy cô khuyên nên dùng bút chì gỗ 2B để tiện tẩy xóa và sửa chữa sai sót từng nét.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **DUYÊN BÚT**

HSK 3

Tính từ

#186

清楚
 qīng chu

rõ ràng

这份技术说明文档结构清晰、文字简练，把每一个核心操作步骤都解释得清清楚楚。

Zhè fèn jìshù shuōmíng wéndàng jiégòu qīngxī, wénzì jiǎnliàn, bǎ měi yí gè héxīn cāozuò bùzhòu dōu jiěshì de qīngqīng chǔchū.

Tài liệu thuyết minh kỹ thuật này kết cấu rành mạch, diễn đạt cô đọng, giải thích rõ ràng từng bước thao tác cốt lõi.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : **THANH SỎ**

HSK 3

Danh từ

#187

秋
 qiū

mùa thu, tiết thu

金秋十月，广袤的神州大地上稻浪金黄、果实累累，处处洋溢着秋粮丰收的喜悦景象。

Jīn qiū shí yuè, guǎng mào de shén zhōu dà dì shàng dào làng jīn huáng, guǒ shí lěi lěi, chù chù yáng yì zhe qiū liáng fēng shōu de xǐ yuè jǐng xiàng.

Mùa thu vàng tháng Mười, trên mảnh đất Thần Châu bao la lúa vàng cuộn sóng, quả ngọt trĩu cành, khắp nơi ngập tràn khung cảnh hân hoan vui mừng của một vụ mùa lương thực mùa thu bội thu.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : **THU**

HSK 3

Danh từ

#188

裙子
 qún zi

váy

她今天特意挑选了一条剪裁优雅大方、色彩清新的碎花连衣裙去参加朋友的婚礼。

Tā jīntiān tèyì tiāoxuǎn le yí tiáo jiǎncái yōuyǎ dàfāng, sècǎi qīngxīn de suīhuā liányīqún qū cǎnjiǎ péngyou de hūnlǐ.

Hôm nay cô ấy đặc biệt chọn một chiếc váy liền thân hoa nhí cắt may thanh lịch và màu sắc tươi tắn để dự đám cưới người bạn.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : **QUẦN TỬ**

HSK 3

Danh từ

#189

然后
 rán hòu

sau đó

我们先在大会议室完成方案的初步评审，然后分组展开细化研讨。

Wǒmen xiān zài dà huìyìshì wánchéng fāng'àn de chūbù píngshěn, rán hòu fēnzǔ zhǎnkāi xìhuà yán tǎo.

Chúng mình sẽ thẩm định sơ bộ phương án tại phòng họp lớn trước, sau đó mỗi chia tổ đi sâu vào thảo luận chi tiết.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : **NHIÊN HẬU**



HSK 3

Tính từ / Danh từ

#190

热情

rè qíng

nhệt tình, nồng hậu hiếu khách;
niềm đam mê

在国际综合运动会期间，数万名青年志愿者以真诚微笑与热情周到的服务，向全世界展现了中国青年的良好风貌。

Zài guó jì zōng hé yùn dòng huì qī jiān, shù wàn míng qīng nián zhì yuàn zhě yǐ zhēn chéng wēi xiào yǔ rè qíng zhōu dào de fú wù, xiàng quán shì jiè zhān xiàn le zhōng guó qīng nián de liáng hǎo fēng mào.

Trong thời gian diễn ra đại hội thể thao tổng hợp quốc tế, hàng vạn tình nguyện viên thanh niên bằng nụ cười chân thành cùng sự phục vụ chu đáo nồng hậu nhiệt tình đã phổ biến phong thái tốt đẹp của thanh niên Trung Quốc với toàn thế giới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **NHIỆT TÌNH**

HSK 3

Động từ

#191

认为

rèn wéi

cho rằng, nhận định rằng

国际能源专家普遍认为，中国在风电、光伏与新能源汽车领域的技术创新为全球绿色低碳转型作出了巨大贡献。

Guó jì néng yuán zhuān jiā pǔ biàn rèn wéi, zhōng guó zài fēng diǎn, guāng fú yú xīn néng yuán qì chē lǐng yù de jī shù chuàng xīn wéi quán qiú lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng zuò chū le jù dà gòng xiàn.

Các chuyên gia năng lượng quốc tế phổ biến nhận định cho rằng, sự đổi mới sáng tạo công nghệ của Trung Quốc trong các lĩnh vực xe ô tô năng lượng mới, quang điện và điện gió đã lập nên công hiến to lớn cho sự chuyển đổi xanh ít phát thải carbon trên toàn cầu.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: **NHẬN VI**

HSK 3

Tính từ

#192

认真

rèn zhēn

ng nghiêm túc

无论面对怎样微小的日常任务，只要拿出高度负责、脚踏实地的认真态度就一定能够做好。

Wú lùn miàn duì zěnyàng wēixiǎo de rì cháng rèn wu, zhī yào ná chū gāo dù fù zé, jiǎo tà shí dì de rèn zhēn tài dù jiù yí dìng néng zuò hào.

Dù đối diện với công việc thường nhật nhỏ nhất đến đâu, chỉ cần giữ thái độ nghiêm túc, trách nhiệm và vững vàng thì nhất định sẽ làm tốt.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: **NHẬN CHÂN**

HSK 3

Tính từ

#193

容易

róng yì

dễ dàng, thuận lợi; dễ (dễ mắc lỗi)

攀登世界科技巅峰的征程从来不是一件容易的事情，唯有具备坚忍不拔毅力的攀登者才能最终登顶。

Pān dēng shì jiè kē jì diǎn fēng de zhēng chéng cóng lái bú shì yì jiàn róng yì de shì qing, wéi yǒu jù bèi jiān rěn bù bá yì lì de pān dēng zhě cái néng zuì zhōng dēng dǐng.

Hành trình trèo lên đỉnh cao khoa học kỹ thuật thế giới chưa bao giờ là một việc dễ dàng thuận lợi, chỉ có những người leo núi sở hữu nghị lực kiên cường bất khuất mới có thể leo lên tới đỉnh cuối cùng.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: **DUNG DỊ**

HSK 3

Liên từ

#194

如果

rú guǒ

nếu

如果你在自学汉语语法过程中遇到了任何疑惑，随时都可以向老师或中国朋友请教。

Rú guǒ nǐ zài zì xué Hànyǔ yǔ fǎ guò chéng zhōng yù dào le rènhé yí huò, suí shí dōu kě yǐ xiàng lǎo shī huò Zhōngguó péng you qīng jiào.

Nếu bạn gặp bất kỳ vướng mắc nào trong quá trình tự học ngữ pháp tiếng Trung, hãy thoải mái hỏi thầy cô hoặc bạn bè Trung Quốc bất cứ lúc nào.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: **NHƯ QUẢ**

HSK 3

Danh từ

#195

伞

sǎn

ô, cái dù che mưa nắng; lá chắn bảo vệ

出门前看天气预报得知午后有雷阵雨，他随身在背包里带了一把轻便的折叠晴雨伞。

Chū mén qián kàn tiān qì yù bào dé zhī wǔ hòu yǒu léi zhèn yǔ, tā suí shēn zài bēi bāo lǐ dài le yì bǎ qīng biǎn de zhé dié qíng yǔ sǎn.

Trước khi ra khỏi nhà xem dự báo thời tiết biết được buổi chiều có mưa dông, anh ấy đã mang theo sẵn một chiếc ô dù gấp che nắng mưa nhẹ nhàng bên trong ba lô.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: **TẢN**

HSK 3

Danh từ

#196

上网

shàng wǎng

truy cập Internet

如今移动互联网高度发达，大家都可以通过智能设备随时随地上网获取海量知识与资讯。

Rú jīn yí dòng huǎi lián wǎng gāo dù fā dá, dà jiā dōu kě yǐ tóng guò zhì néng shè bèi suí shí shàng wǎng huò qǔ hǎi liàng zhī shì yǔ zī xùn.

Ngày nay mạng Internet di động rất phát triển, mọi người đều có thể lên mạng tra cứu kho tàng tri thức và tin tức khổng lồ qua thiết bị thông minh mọi lúc mọi nơi.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: **THƯỢNG VƯỢNG**

HSK 3

Danh từ

#197

生气

shēng qì

tức giận

朋友之间难免会发生一点小摩擦，真诚沟通就能化解矛盾，千万别闷在心里生闷气。

Péng you zhī jiān nán miǎn huì fā shēng yì diǎn xiǎo mó cā, zhēn chéng gōu tōng jiù néng huái jiě máo dùn, qiān wàn bié mèn zài xīn lǐ shēng mèn qì.

Bạn bè với nhau khó tránh khỏi va chạm nhỏ, thẳng thắn trao đổi chân thành là giải tỏa được khúc mắc, chớ nên giữ trong lòng mà bực bội cáu gắt.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **SINH KHÍ**

HSK 3

Danh từ

#198

声音

shēng yīn

âm thanh

她播音主持的声音清脆甜美、富有磁性，给听众留下了极其深刻的美好印象。

Tā bō yīn zhǔ chí de shēng yīn qīng cuī tián měi, fù yǒu cí xìng, gěi tīng zhòng liú xià le jí qí shēn kè de měi hǎo yīn xiàng.

Giọng đọc phát thanh dẫn chương trình của cô ấy trong trẻo ngọt ngào và đầy truyền cảm, để lại ấn tượng tốt đẹp vô cùng sâu sắc trong lòng thính giả.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: **THANH ÂM**



HSK 3

Động từ / Liên từ

#199

使
shǐ

khiến cho, làm cho; phải cử

先进数字技术与现代农业的深度融合应用，使广大农户大幅降低了劳动强度并显著提高了粮食亩产量。

Xiānjìn shùzì jì shù yǔ xiàndài nóng yè de shēn dù róng hé yīng yòng, shǐ guǎng dà nóng hù dà fú jiàng dī le láo dòng qiáng dù dù bìng xiǎn zhù tí gāo le liáng shí mú chǎn liàng.

Ứng dụng dung hợp sâu sắc giữa nông nghiệp hiện đại và công nghệ kỹ thuật số tiên tiến đã làm cho khiến cho đồng đảo bà con nông dân giảm thiểu vượt bậc cường độ lao động và nâng cao rõ rệt sản lượng lúa trên mỗi mẫu.

10 nét

HÁN VIỆT SỬ

HSK 3

Danh từ

#200

世界
shì jiè

thế giới

放眼当今世界，掌握多门外语与跨文化交际能力正在成为全球化人才的核心竞争优势。

Fàngyǎn dāngjīn shìjiè, zhǎngwò duō mén wàiyǔ jiāo jì néng lì zhèng zài chéng wéi quánqíu huà réncái de héxīn jīngzhēng yōushì.

Nhìn ra thế giới ngày nay, việc thông thạo nhiều ngoại ngữ và năng lực giao tiếp đa văn hóa đang trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi của nhân tài toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT THẾ GIỚI

HSK 3

Tính từ

#201

瘦
shòu

gầy

坚持长跑与合理饮食几个月后，他整个人明显瘦了一大圈，显得神采奕奕、充满朝气。

Jiānchí chángpǎo yǔ hé lǐ yǐnshí jǐ gè yuè hòu, tā zhěng gè rén míngxiǎn shòu le yí dà quān, xiǎnde shéncǎi yìyì, chōngmǎn zhǎoqì.

Sau mấy tháng kiên trì chạy đường dài và ăn uống điều độ, anh ấy thon gọn đi trông thấy, toát lên vẻ rạng rỡ và tràn đầy sức sống.

14 nét

HÁN VIỆT SẼU

HSK 3

Tính từ

#202

舒服
shū fu

dễ chịu, thoải mái khoan khoái

经过一整天紧张充实的科研攻关，洗个热水澡坐在阳台吹着晚风喝杯清茶，让人感到格外舒服惬意。

Jīngguò yí zhěng tiān jǐnzhāng chōngshí de kēyán gōngguān, xǐ gè rè shuǐ zǎo zuò zài yáng tái chuī zhe wǎn fēng hē bēi qīng chá, ràng rén gǎn dé gè wài shū fu qiè yì.

Trải qua một ngày nghiên cứu khoa học vượt khó đầy căng thẳng và bổ ích, tắm nước nóng rồi ngồi ngoài ban công đón làn gió tối nhâm nhi chén trà thanh đậm, khiến con người cảm thấy vô cùng khoan khoái thoải mái dễ chịu.

27 nét

HÁN VIỆT THƯ PHỤC

HSK 3

Danh từ

#203

叔叔
shū shu

chú

张叔叔是我父亲三十多年的挚友，为人忠厚豁达，逢年过节都会来家中促膝长谈。

Zhāng shūshu shì wǒ fùqīn sānshí duō nián de zhìyǒu, wéirén zhōnghòu huòdá, féng nián guò jié dòu huì lái jiā zhōng cùxī chángtán.

Chú Trương là bạn thân tri kỷ hơn 30 năm của bố tôi, tính tình đôn hậu phóng khoáng, mỗi dịp lễ Tết đều ghé nhà cùng bố tôi trò chuyện thâu đêm.

26 nét

HÁN VIỆT THÚC THÚC

HSK 3

Động từ

#204

树
shù

cây

老师鼓励大家积极植树，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhí shù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cây, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT THỤ

HSK 3

Danh từ

#205

数学
shù xué

Toán học

数学被称为科学的皇冠，培养扎实的数学逻辑思维对解决各类现实复杂工程难题至关重要。

Shùxué bèi chēng wéi kēxué de huángguān, péiyāng zhāshí de shùxué luó jī sīwéi duì jiějué gèlèi xiànsí fùzá gōngchéng nán tí zhìguān zhòngyào.

Toán học được mệnh danh là vương miện của khoa học, việc bồi dưỡng tư duy logic toán học vững chắc có ý nghĩa then chốt đối với việc giải quyết các bài toán kỹ thuật thực tế.

25 nét

HÁN VIỆT SỐ HỌC

HSK 3

Động từ

#206

刷
shuā

bàn chải

养成每天早晚认真刷牙三分钟的良好卫生习惯，有助于长久保持口腔清洁与牙齿坚固。

Yǎngchéng měitiān zǎowǎn rènzhēn shuā yá sān fēnzhōng de liáng hǎo wèishēng xíguàn, yǒuzhùyú chángjiǔ bǎochí kǒuqiāng qīngjié yǔ yáchǐ jiānggù.

Rèn luyện thói quen vệ sinh tốt đánh răng kỹ 3 phút mỗi sáng và tối giúp khoang miệng luôn sạch sẽ và răng chắc khỏe dài lâu.

13 nét

HÁN VIỆT XOÁT

HSK 3

Lượng từ

#207

双
shuāng

gấp đôi

掌握好“双”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎngwò hǎo “shuāng” de yòngfǎ, néng ràng Zhōngwén biǎodá gèngjiā zìrán dī dào. Nắm vững cách dùng từ “双” (gấp đôi) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

12 nét

HÁN VIỆT SONG



HSK 3

Danh từ

#208

水平

shuǐ píng

cấp độ

通过系统性的高强度听说读写综合训练，学员们的实际商务汉语应用水平得到了飞速提升。

Tōngguò xìtǒngxíng de gāo qiángdù tīng shuō dú xiě zōnghé xùnlìan, xuéyuánmen de shíjì shāngwù Hànyǔ yìngyòng shuǐpíng dédào le fēisù tīshēng.

Thông qua chương trình rèn luyện nghe nói đọc viết toàn diện có hệ thống, trình độ ứng dụng tiếng Trung thương mại thực tế của các học viên đã tiến bộ vượt bậc.

18 nét

HÁN VIỆT: THỦY BÌNH

HSK 3

Danh từ

#209

司机

sī jī

người lái xe

这位经验丰富的老出租车司机师傅不仅车技娴熟平稳，而且对本市大街小巷的路线了如指掌。

Zhè wèi jīngyàn fēngfù de lǎo chūzūchē sījī shīfu bùjīn chējì xiánsú píngwěn, érqiě duì běn shì dàjiē xiǎoxiàng de lùxiàn liǎorúzhǐzhǎng.

Bác tài xế taxi già giàu kinh nghiệm này không những tay lái vững vàng êm ái mà còn thuộc lòng từng ngõ ngách đường phố của thành phố như lòng bàn tay.

23 nét

HÁN VIỆT: TÍ CƠ

HSK 3

Liên từ

#210

虽然

suī rán

Mặc dù

虽然在异国他乡求学需要克服语言和文化差异等多重挑战，但他依然坚定乐观地面对一切。

Suīrán zài yìguó tāxiāng qúxué xūyào kèfú yǔyán hé wénhuà chāyì děng duōchóng tiǎozhàn, dàn tā yīrán jiāndìng lèguān de miànduì yíqiè.

Tuy rằng du học nơi đất khách quê người cần phải vượt qua nhiều rào cản như ngôn ngữ và sự khác biệt văn hóa, nhưng bạn ấy vẫn kiên định và lạc quan đối diện với tất cả.

21 nét

HÁN VIỆT: TUY NHIÊN

HSK 3

Danh từ

#211

太阳

tài yáng

mặt trời

清晨，温暖明媚的太阳光穿透薄雾洒向生机勃勃的田野，唤醒了沉睡的大自然。

Qīngchén, wēnnuǎn míngmèi de tàiyáng guāng chuāntòu báowù sǎ xiàng shēngjī bóbo de tiányě, huànxǐng le chénsuì de dàzìrán.

Sáng sớm, ánh nắng mặt trời ấm áp rực rỡ xuyên qua lớp sương mỏng rồi xuống cánh đồng tràn trề sức sống, đánh thức thiên nhiên đang say giấc nồng.

22 nét

HÁN VIỆT: THÁI DƯƠNG

HSK 3

Động từ

#212

糖

táng

đường

老师鼓励大家积极糖，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极糖，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jījī táng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đường, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐƯỜNG

HSK 3

Phó từ

#213

特别

tè bié

đặc biệt

掌握好“特别”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo "tè bié" de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèngjiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ "特别" (đặc biệt) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC BIỆT

HSK 3

Tính từ / Động từ

#214

疼

téng

đau đớn; yêu thương xót xa

老红军虽然旧伤处每逢阴雨天仍会隐隐作疼，但他依然乐观坚强，经常向年轻一代讲述当年的英勇战斗岁月。

Lǎo hóngjūn suī rán jiù shāng chù měi féng yīn yǔ tiān réng huì yīnyīn zuò téng, dàn tā yīrán lèguān jiānqiáng, jīng cháng xiàng nián qīng yí dài jiǎng shù dāngnián de yīng yǒng zhàn dòu suì yuè.

Vị lão thành Hồng quân đau vết thương cũ mỗi khi gặp ngày mưa dầm gió bắc vẫn âm ỉ đau nhức đau đớn, nhưng ông vẫn luôn lạc quan kiên cường, thường xuyên kể cho thế hệ trẻ nghe về những năm tháng chiến đấu anh dũng năm xưa.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG

HSK 3

Danh từ

#215

提高

tígāo

cải thiện

每天坚持阅读优质中文报刊并朗读核心段落，是快速提高语感和词汇量的黄金方法。

Měitiān jiānchí yuèdú yōuzhì Zhōngwén bàokān bìng lǎngdú héxīn duǎnlùò, shì kuàisù tígāo yǔgǎn hé cíhuiliàng de huángjīn fāngfǎ.

Mỗi ngày kiên trì đọc báo chí tiếng Trung chất lượng cao và đọc to các đoạn văn trọng tâm là phương pháp vàng để nâng cao cảm giác ngôn ngữ và vốn từ vựng cấp tốc.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ CAO

HSK 3

Danh từ

#216

体育

tǐ yù

các môn thể thao

积极参与各类户外体育竞技运动不仅能增强体魄，还能培养顽强的拼搏精神。

Jíqí cānyù gèlèi hùwài tǐyù jìngjì yùndòng bùjīn néng zēngqiáng tǐpò, hái néng péiyǎng wánqiáng de pīnbó jīngshén.

Tích cực tham gia các môn thể thao thi đấu ngoài trời không chỉ nâng cao thể lực mà còn rèn luyện ý chí phấn đấu ngoan cường.

20 nét

HÁN VIỆT: THỂ DỤC



HSK 3

Tính từ

#217

甜

tián

ngọt ngào, thơm ngọt (vị giác, cuộc sống)

新疆吐鲁番盆地得天独厚的光热资源与巨大昼夜温差，培育出了汁多肉脆、甘甜如蜜的顶级葡萄与哈密瓜。

Xīnjiāng tǔ lǔ fān pén dì dé tiān dú hòu de guāng rè zì yuán yù jù dà zhòu yè wēn chà, péi yù chū le zhǐ duō ròu cuì, gān tián rú mì de dīng jí pú táo yú hā mǐ guā.

Nguồn tài nguyên nhiệt và ánh sáng trời ban độc nhất vô nhị cùng sự chênh lệch nhiệt độ ngày đêm cực lớn của bốn địa Turpan Tân Cương đã nuôi dưỡng nên những quả dưa Hāmì và nho thượng hạng nhiều nước giòn ngọt thơm ngọt như mật.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : ĐIỂM

HSK 3

Lượng từ

#218

条

tiáo

Bài viết

这条新修通的高速公路如一条银色的巨龙蜿蜒在群山之间，极大缩短了城乡间的车程。

Zhè tiáo xīn xiūtōng de gāosù gōnglù rú yì tiáo yínsè de jùlóng wānyǎn zài qúnshān zhījiān, jí dà suǒduǎn le chéngxiāng jiān de chēchéng.

Tuyến đường cao tốc mới thông xe này tựa như con rồng bạc uốn lượn giữa núi non trùng điệp, rút ngắn đáng kể thời gian di chuyển giữa thành thị và nông thôn.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : ĐIỀU

HSK 3

Danh từ

#219

同事

tóng shì

đồng nghiệp

我和部门里的新老同事们相处得非常融洽，大家在日常工作中经常互相支持与协作。

Wǒ hé bùmén lǐ de xīnlǎo tóngshìmen xiāngchǔ de fēicháng róngqià, dàjiā zài rìcháng gōngzuò zhōng jīngcháng hùxiāng zhīchí yǔ xiézuò.

Tôi và các đồng nghiệp cũ mới trong phòng ban gần gũi với nhau rất hòa thuận, mọi người trong công việc thường hỗ trợ lẫn nhau sẵn sàng tương trợ và phối hợp cùng nhau.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG SỰ

HSK 3

Danh từ

#220

同意

tóng yì

đồng ý

经过专家委员会全方位论证与评估，全体评审成员一致同意通过了该项绿色环保工程方案。

Jīngguò zhuānjiā wéiyuánhui quán fāngwèi lùnzhèng yǔ pínggū, quán tǐ píngshěn chéngyuán yìzhì tóngyì tóngguò le gāi xiàng lǜsè huánbào gōngchéng fāng'àn.

Sau khi được hội đồng chuyên gia thẩm định và đánh giá toàn diện, toàn thể thành viên ban giám khảo đã nhất trí đồng thuận thông qua phương án công trình bảo vệ môi trường xanh này.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG Ý

HSK 3

Danh từ

#221

头发

tóu fa

tóc

岁月如梭，母亲原本乌黑亮丽的长头发不知不觉间已悄然染上了几缕银白色的霜丝。

Suìyuè rú suō, mǔqīn yuánběn wūhēi liànglì de cháng tóufa bùzhī bùjué jiān yǐ qiǎorán rǎn shàng le jǐ lǚ yínbáisè de de shuāngsī.

Năm tháng trôi đi, mái tóc dài đen nhánh óng ả thuở nào của mẹ chẳng biết tự bao giờ đã điểm tuyết vài sợi bạc màu sương khói.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : ĐẦU PHÁT

HSK 3

Phó từ

#222

突然

tū rán

đột nhiên

原本晴空万里的午后突然乌云密布，紧接着下起了一场电闪雷鸣的倾盆大雨。

Yuánběn qíngkōng wàn lǐ de wǔhòu tūrán wǔyún mìbù, jīnjǐezhe xià qǐ le yì chǎng diànshǎn léimíng de qīngpén dàyǔ.

Buổi chiều trời đang quang đãng bỗng nhiên mây đen ập ụp kéo đến, ngay sau đó trút xuống một cơn mưa rào sấm chớp rền vang như trút nước.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : ĐỘT NHIÊN

HSK 3

Danh từ

#223

图书馆

tú shū guǎn

thư viện

这座百年名校的图书馆拥有数百万册珍贵典籍藏书，是学子们潜心钻研学术的精神圣地。

Zhè zuò bǎiniǎn míngxào de túshūguǎn yǒngyǒu shù bǎi wàn cè zhēnguì diǎnjī cángshū, shì xué zì men qiǎnxīn zuānyán xuéshù de jīngshén shèngdì.

Thư viện của ngôi trường đại học danh tiếng trăm năm này lưu giữ hàng triệu bản sách quý hiếm, là thánh đường tri thức cho các thế hệ học trò say mê nghiên cứu học thuật.

📖 32 nét

HÁN VIỆT : ĐỒ THƯ QUẢN

HSK 3

Động từ

#224

腿

tuǐ

chân

老师鼓励大家积极腿，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极腿，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tuǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì. Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực chân, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : THỐI

HSK 3

Danh từ

#225

完成

wán chéng

Hoàn thành

在全组同事的通力协作与不懈攻坚下，我们终于按期高质量完成了核心系统开发。

Zài quán zǔ tóngshì de tōnglì xiézuò yǔ bùxié gōngjiān xià, wǒmen zhōnggǔyú ànqī gāo zhìliàng wánchéng le héxīn xìtǒng kāifā.

Dưới sự hiệp lực đồng lòng và nỗ lực bền bỉ của toàn tổ đồng nghiệp, chúng tôi cuối cùng đã hoàn thành xuất sắc việc phát triển hệ thống cốt lõi đúng tiến độ.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : HOÀN THÀNH



HSK 3

Danh từ / Lượng từ

#226

碗

wǎn

bát, cái chén ăn cơm; bát (lượng từ)

中国人的饭碗任何时候都要牢牢端在自己手中，饭碗里主要装中国粮。

Zhōngguó rén de fàn wǎn rènhé shíhòu dōu yào láo láo duān zài zìjǐ shǒu zhōng, fàn wǎn lǐ zhǔ yào zhuāng zhōngguó liáng.

Bát cơm cái chén ăn cơm của người Trung Quốc trong bất kỳ thời điểm nào cũng phải nắm chắc vững vàng trong tay mình, trong bát cơm chủ yếu đựng lương thực của nước nhà.

9 nét

HÁN VIỆT OẢN

HSK 3

Số từ

#227

万

wàn

triệu

掌握好“万”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “wàn” de yòngfǎ, néng ràng Zhōngwén biǎo dá gèngjiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “万” (triệu) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

12 nét

HÁN VIỆT MẶC

HSK 3

Danh từ

#228

忘记

wàngjì

quên

哪怕走得再远、飞得再高，也永远不要忘记那些曾经给予我们指引与帮助的人。

Nǎpà zǒu de zài yuǎn, fēi de zài gāo, yě yǒngyuǎn bùyào wàngjì nàxiē céngjīng gěi yǒu wǒmen zhǐyǐn yǔ bāngzhù de rén.

Dẫu có đi xa đến đâu, bay cao đến mấy, cũng đừng bao giờ quên đi những người đã từng dẫn đường chỉ lối và dang tay giúp đỡ chúng ta.

21 nét

HÁN VIỆT VONG KÝ

HSK 3

Giới từ

#229

为了

wèi le

cho

掌握好“为了”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “wèi le” de yòngfǎ, néng ràng Zhōngwén biǎo dá gèngjiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “为了” (cho) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

27 nét

HÁN VIỆT VI LIỄU

HSK 3

Danh từ

#230

为什么

wèi shén me

tại sao

许多初学者常会好奇为什么有些汉字看起来极其相似，其实只要剖析它们的形旁偏旁就能明白。

Xǔduō chūxuézhě cháng huì hàoqí wèi shén me yǒuxiē Hànzì kàn qǐlái jìqí xiāngsì, qíshí zhǐyào pōuxī tāmen de xíngpáng piānpáng jiù néng míngbái.

Nhiều bạn mới học thường tò mò tại sao một số chữ Hán trông lại giống nhau đến thế, thực ra chỉ cần phân tích bộ thủ biểu ý của chúng là sẽ hiểu ngay thôi.

35 nét

HÁN VIỆT VỊ THÂM YÊU

HSK 3

Lượng từ

#231

位

wèi

Bit

掌握好“位”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “wèi” de yòngfǎ, néng ràng Zhōngwén biǎo dá gèngjiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “位” (Bit) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

9 nét

HÁN VIỆT VỊ

HSK 3

Danh từ

#232

文化

wén huà

văn hóa

中华优秀传统文化积淀深厚、源远流长，蕴含着丰富深刻的人生智慧与哲学思想。

Zhōnghuá yōuxiù chuántǒng wénhuà jīdiàn shēnhòu, yuǎnyuán liúcháng, yùnhán zhe fēngfù shēnkè de rénshēng zhìhuì yǔ zhéxué sīxiǎng.

Văn hóa truyền thống đặc sắc của Trung Hoa kết tinh sâu dày, bắt nguồn từ dòng chảy lịch sử lâu đời, hàm chứa triết lý nhân sinh và trí tuệ sâu sắc.

20 nét

HÁN VIỆT VĂN HOA

HSK 3

Động từ

#233

西

xī

hướng Tây

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地西。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì xī.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách hướng Tây một cách tốt hơn.

11 nét

HÁN VIỆT TÂY

HSK 3

Danh từ

#234

习惯

xíguàn

thói quen

每天坚持阅读半小时优秀书籍是一个终身受益无穷的卓越好习惯。

Měitiān jiānchí yuèdú bàn xiǎoshí yōuxiù shūjí shì yí gè zhōngshēn shòuyì wúqióng de zhuóyuè hào xíguàn.

Mỗi ngày kiên trì đọc nửa tiếng những cuốn sách hay là một thói quen xuất sắc mang lại lợi ích vô giá suốt cả cuộc đời.

18 nét

HÁN VIỆT TẬP QUẢN



HSK 3

Danh từ

#235

洗手间

xǐ shǒu jiān

nhà vệ sinh

请问机场国际出发候机大厅西侧的洗手间和母婴室位于哪个具体登机口附近？

Qǐngwèn jīchǎng guójí chūfā hòujīdàttīng xī cè de xǐshǒujiān hé mǔyīngshì wèiyú nǎge jùtí dēngjīkǒu fùjìn?

Cho em hỏi nhà vệ sinh và phòng chăm sóc mẹ & bé ở phía tây sảnh chờ ga quốc tế nằm gần cửa ra máy bay số mấy vậy ạ?

33 nét

HÁN VIỆT: TẨY THỦ GIÂN

HSK 3

Động từ

#236

洗澡

xǐ zǎo

đi tắm

老师鼓励大家积极洗澡，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xǐ zǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi tắm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT: TẨY ZẢO

HSK 3

Động từ

#237

夏

xià

mùa hè

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地夏。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de xià.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách mùa hè một cách tốt hơn.

8 nét

HÁN VIỆT: HẠ

HSK 3

Phó từ / Danh từ / Tính từ

#238

先

xiān

trước, trước tiên trước hết; tổ tiên

在重大决策部署出台前，必须先深入基层开展全面扎实的调查研究，做到察实情、听真话、出实招。

Zài zhòng dà jué cè bù shū chū tái qián, bì xū xiān shēn rù jī céng kāi zhǎn quán miàn zhā shí de diào chá yán jiū, zuò dào chá shí qing, tīng zhēn huà, chū shí zhāo.

Trước khi ban hành các quyết sách triển khai trọng đại, bắt buộc phải đi sâu xuống cơ sở trước tiên trước hết để triển khai điều tra nghiên cứu vững chắc toàn diện, làm được việc nắm bắt thực tình, lắng nghe lời nói thật, đưa ra giải pháp thực chất.

12 nét

HÁN VIỆT: TIÊN

HSK 3

Danh từ

#239

香蕉

xiāng jiāo

chuối

熟透的新鲜黄香蕉口感软糯香甜，富含膳食纤维与钾元素，深受运动员和健身人士喜爱。

Shú tòu de xīnxiān huáng xiāngjiāo kǒugǎn ruǎnnuò xiāngtián, fùhán shānshí xiānwéi yǔ jiǎ yuánsù, shēn shòu yùndòngyuán hé jiànshēn rénshì xǐ'ài.

Quả chuối vàng chín tới ăn mềm thơm ngọt bùi, giàu chất xơ và kali nên được các vận động viên và người tập thể hình vô cùng ưa chuộng.

21 nét

HÁN VIỆT: HƯƠNG TIÊU

HSK 3

Danh từ

#240

相同

xiāng tóng

giống nhau

尽管这两款旗舰智能手机外观设计看似相同，但在核心处理器性能上差异显著。

Jǐngguǎn zhè liǎng kuǎn qíjiàn zhìnéng shǒujī wàiguān shèjì kǎnsì xiāngtóng, dàn zài héxīn chūlǐqì xínéng shàng chāyì xiǎnzhù.

Dẫu rằng thiết kế ngoại quan của 2 mẫu smartphone flagship này trông có vẻ giống nhau, nhưng hiệu năng chip xử lý cốt lõi lại khác biệt rõ rệt.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG ĐỒNG

HSK 3

Danh từ

#241

相信

xiāng xìn

tin tưởng

只要心中怀揣明确的奋斗目标并脚踏实地前行，就一定要坚信自己终能抵达成功的彼岸。

Zhǐyào xīn zhōng huáichuāi míngquè de fēndòu mùbiāo bìng jiǎotàshídì qiánxíng, jiù yīdìng yào jiānxìn zìjǐ zhōng néng dídá chénggōng de bǐ'àn.

Chỉ cần trong lòng ấp ủ mục tiêu phấn đấu rõ ràng và vững bước tiến lên, bạn nhất định phải tin tưởng rằng mình sẽ chạm tới bờ bến vinh quang.

24 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG TÍN

HSK 3

Động từ / Danh từ / Phó từ

#242

像

xiàng

giống như, tựa như; bức tượng/hình ảnh

高速飞驰的“复兴号”高铁列车如同一道银色闪电穿梭在神州大地之间，展现出中国速度的磅礴力量。

Gāo sù fēi chí de "fù xīng hào" gāo tiě liè chē rú yī dào yín sè fǎn diàn chuān suō zài shén zhōu dà dì zhī jiān, zhǎn xiàn chū zhōng guó sù dù de páng bó lì liàng.

Đoàn tàu đường sắt cao tốc 'Phục Hưng' lao vút tốc độ cao tựa như giống như một tia chớp màu bạc con thoi qua lại trên khắp mảnh đất Thần Châu, phô diễn nguồn sức mạnh dời non lấp biển của Tốc độ Trung Quốc.

10 nét

HÁN VIỆT: TƯỢNG

HSK 3

Danh từ

#243

小心

xiǎo xīn

Hãy cẩn thận

冬季雪后路面结冰湿滑，大家在外出行走与驾驶车辆时一定要加倍小心谨慎。

Dōngjì xuě hòu lùmiàn jiébing shīhuá, dàjiā zài wàichū zóulù yù jiàshì chēliàng shí yīdìng yào jiǎobèi xiǎoxīn jìnnhèn.

Sau đợt tuyết mùa đông mặt đường đóng băng rất trơn trượt, mọi người khi ra ngoài đi bộ hoặc lái xe phải hết sức cẩn thận và thận trọng.

22 nét

HÁN VIỆT: TIỂU TÂM



HSK 3

Danh từ

#244

校长

xiào zhǎng

Hiệu Trưởng

在隆重热烈的全校师生大会上，校长发表了振奋人心的致辞，勉励青年学子立志报国。
Zài lóngzhòng rèliè de quánxiào shīshēng dàhuì shàng, xiàozhǎng fābiào le zhènfèn rénxin de zhìcí, miǎnlì qīngnián xuézi lìzhì bàoguó.

Trong đại hội toàn trường long trọng và ấm cúng, thầy hiệu trưởng đã có bài phát biểu truyền cảm hứng sâu sắc, động viên các bạn trẻ nuôi dưỡng chí lớn phụng sự quê hương.

19 nét

HÁN VIỆT: HIỆU TRƯỞNG

HSK 3

Động từ

#245

鞋

xié

giày

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地鞋。
zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì xié.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách giày một cách tốt hơn.

9 nét

HÁN VIỆT: HAI

HSK 3

Danh từ

#246

新闻

xīn wén

Tin tức

每天早晨收听权威的早间全球新闻播报，能帮助我们及时洞察世界发展动态。
Měitiān zǎochēn shōutīng quánwēi de zǎojiān quánqiú xīnwén bōbào, néng bāngzhù wǒmen jǐshí dòngchá shìjiè fāzhǎn dòngtài.

Mỗi buổi sáng lắng nghe các bản tin thời sự quốc tế chính thống uy tín sẽ giúp chúng ta nắm bắt kịp thời các chuyển động phát triển của thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT: TÂN VĂN

HSK 3

Danh từ

#247

新鲜

xīn xiān

tươi

清晨的海鲜早市上摆满了刚从渔船上卸下来的大活鱼和新鲜龙虾，吸引了众多市民争相选购。
Qīngchén de hǎixiān zǎoshì shàng bǎi mǎn le gāng cóng yúchuán shàng xiè xiàilái de dà huóyú hé xīnxiān lóngxiā, xīyin le zhòngduō shìmín zhēngxiāng xuǎngòu.

Khu chợ hải sản sớm mai bày la liệt những mẻ cá tươi sống và tôm hùm vừa đánh bắt từ thuyền lên, thu hút đông đảo người dân chen chân chọn mua.

25 nét

HÁN VIỆT: TÂN TIÊN

HSK 3

Động từ

#248

信

xìn

lá thư

老师鼓励大家积极信，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jījī xìn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lá thư, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: TÍN

HSK 3

Danh từ

#249

行李箱

xíng lǐ xiāng

va li

长途旅行出发前，他将轻便衣物与必备洗漱用品分门别类整齐地收纳进万向轮行李箱中。
Chángtú lǚxíng chūfā qián, tā jiāng qīngbiàn yīwù yǔ bìbèi xǐshù yòngpǐn fēnmén biélèi zhěngqí de shōunà jìn wànxiànglún xínglǐxiāng zhōng.

Trước chuyến du lịch đường dài, anh ấy phân loại ngăn nắp quần áo gọn nhẹ cùng đồ vệ sinh cá nhân thiết yếu xếp vào chiếc vali bánh xe xoay 360 độ.

32 nét

HÁN VIỆT: HÀNH LÝ XƯƠNG

HSK 3

Danh từ

#250

兴趣

xìng qù

Lỗi suất

兴趣是最好的老师，对一门语言文化发自内心的热爱是支撑我们长期精进的源泉动力。
Xìngqù shì zuì hǎo de lǎoshī, duì yī mén yǔyán wénhuà fā zì nèixīn de rè'ài shì zhīchēng wǒmen chángqī jīngjìn de yuánquán dònglì.

Hứng thú là người thầy giỏi nhất, niềm say mê xuất phát từ đáy lòng đối với một ngôn ngữ văn hóa là cội nguồn động lực giúp ta không ngừng tiến xa.

28 nét

HÁN VIỆT: HƯNG THÚ

HSK 3

Danh từ

#251

熊猫

xióng māo

gấu trúc

憨态可掬的国宝大熊猫在成都大熊猫繁育研究基地里悠闲地啃食着清脆嫩竹，惹人喜爱。
Hāntài kējū de guóbǎo dàxióngmāo zài Chéngdū Dàxióngmāo Fányù Yánjiū Jīdì lǐ yōuxián de kěnsí zhe qīngcuī nènzhú, rě rén xǐ'ài.

Những chú gấu trúc bảo vật quốc gia với nét mặt ngây thơ ngộ nghĩnh đang thong dong gặm nhấm những ngọn tre non giòn tại Trung tâm Gấu trúc Thành Đô, đáng yêu vô cùng.

24 nét

HÁN VIỆT: HÙNG MIÊU

HSK 3

Danh từ

#252

需要

xū yào

cần

要想真正掌握一门外语的精髓，我们需要付出持之以恒的耐心与数千小时的浸润。
Yào xiǎng zhēnzhèng zhǎngwò yī mén wàiyǔ de jīngsuǐ, wǒmen xūyào fùchū chíchíyǐhéng de nàixīn yǔ shù qiān xiǎoshí de jīnrùn.

Muốn thực sự làm chủ được tinh hoa của một ngoại ngữ, chúng ta cần phải bỏ ra sự kiên nhẫn bền bỉ cùng hàng ngàn giờ đắm chìm trong ngôn ngữ đó.

23 nét

HÁN VIỆT: NHU YÊU


HSK 3

Động từ

#253

需

xū
Cần

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地需。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì xū.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách Cần một cách tốt hơn.

10 nét

 HÁN VIỆT: **NHU**
HSK 3

Danh từ

#254

选择

xuǎn zé
chọn

在人生的关键十字路口，我们要学会倾听自己内心的真实呼唤，做出无悔的勇敢选择。

Zài rénshēng de guānjiàn shízìlùkǒu, wǒmen yào xuǎnhuì qīngtīng zìjī nèixīn de zhēnshí hūhuàn, zuò chū wúhuǐ de yǒnggǎn xuǎnzé.

Đứng trước những bước ngoặt ngã rẽ quan trọng của cuộc đời, chúng ta cần học cách lắng nghe tiếng lòng chân thật để đưa ra lựa chọn đúng cảm không hối tiếc.

22 nét

 HÁN VIỆT: **TUYỂN TRẠCH**
HSK 3

Danh từ

#255

眼镜

yǎn jìng
kính

他戴着一副精致典雅的纯钛黑框眼镜，整个人显得文质彬彬、学识渊博。

Tā dài zhe yí fù jīngzhì diǎnyǎ de chúntài hēikuàng yǎnjìng, zhèng gè rén xiǎnde wénzhì bīnbīn, xuéshí yuānbó.

Anh ấy đeo cặp kính gọng đen titan thanh lịch và tinh xảo, toát lên phong thái nho nhã và học thức uyên bác.

22 nét

 HÁN VIỆT: **NHÃN KÍNH**
HSK 3

Động từ

#256

要求

yāo qiú
yêu cầu

老师鼓励大家积极要求，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yāo qiú, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực yêu cầu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

 HÁN VIỆT: **YÊU CẦU**
HSK 3

Danh từ

#257

爷爷

yé ye
ông nội

爷爷每日清晨都会在小区庭院里迎着朝阳打一套太极拳，鹤发童颜、身体格外硬朗。

Yéye měirì qīngchén dōu huì zài xiǎoqū tīngyuàn lǐ yíng zhe zhāoyáng dǎ yí tào tàijíquán, hèfà tóngyán, shēntǐ géwài yìngláng.

Mỗi sớm mai ông nội đều đón ánh bình minh ra sân tập một bài Thái Cực Quyền, mái tóc bạc phơ nhưng sắc diện hồng hào, thân thể vô cùng dẻo dai.

16 nét

 HÁN VIỆT: **GIA GIA**
HSK 3

Phó từ

#258

一定

yī dìng
Chắc chắn rồi

只要脚踏实地、一步一个脚印地辛勤耕耘，你的梦想就一定会在未来的某一天开花结果。

Zhǐyào jiǎotàshídì, yībù yí gè jiǎoyìn de xīnqín gēngyún, nǐ de mèngxiǎng jiù yīdìng huì zài wèilái de mǒu yí tiān kāihuā jiéguǒ.

Chỉ cần bạn làm việc vững vàng, từng bước từng bước chăm chỉ vun trồng, ước mơ của bạn nhất định sẽ đơm hoa kết trái vào một ngày không xa.

20 nét

 HÁN VIỆT: **NHẤT ĐỊNH**
HSK 3

Phó từ

#259

一共

yī gòng
tổng cộng

掌握好“一共”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo "yī gòng" de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “一共” (tổng cộng) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

23 nét

 HÁN VIỆT: **NHẤT CỘNG**
HSK 3

Danh từ

#260

一会儿

yī huìr
một lúc

请大家稍安勿躁在贵宾休息室小坐片刻，技术团队马上就会把最终测试报告整理完毕。

Qǐng dàjiā shāo'ān wúzào zài guībīn xiūxiǎ shì xiǎozuò piànkè, jìshù tuánduì mǎshàng jiù huì bǎ zuìzhōng cèshì bàogào zhěnglǐ wánbì.

Xin quý vị an tâm nghỉ ngơi một chút tại phòng chờ VIP, đội ngũ kỹ thuật sẽ hoàn tất báo cáo thử nghiệm cuối cùng ngay bây giờ.

35 nét

 HÁN VIỆT: **NHẤT HỘI NHÂN**
HSK 3

Danh từ

#261

一样

yī yàng
giống nhau

他们兄妹俩笑起来的时候眉眼弯弯，简直跟童年旧照片里的父母一模一样。

Tāmen xiōngmèi liǎ xiào qǐlái de shíhòu méiyǎn wānwān, jiǎnzhi gēn tóngnián jiù zhàopiàn lǐ de fùmǔ yíyàng.

Hai anh em mỗi khi cười đôi mắt cong cong, trông giống hệt như đức bố mẹ thời trẻ trong những tấm ảnh cũ ngày xưa.

22 nét

 HÁN VIỆT: **NHẤT DẠNG**



HSK 3

Danh từ

#262

以后
yǐ hòu

sau này

完成硕士研究生学业以后，他立志投身于人工智能与自然语言处理的前沿科研创新工作。

Wánchéng shuòshì yánjiūshēng xuéyè yǐhòu, tā lìzhì tóushēn yú réngōng zhīnéng yǔ zìrán yǔyán chǔlǐ de qiányán kēyán chuàngxīn gōngzuò.

Sau khi hoàn thành chương trình thạc sĩ nghiên cứu sinh, anh ấy quyết tâm dẫn thân vào công tác nghiên cứu đổi mới công nghệ trí tuệ nhân tạo và xử lý ngôn ngữ tự nhiên.

📖 18 nét

HÁN VIỆT · DỄ HẬU

HSK 3

Danh từ

#263

以前
yǐ qián

trước đây

在来到中国留学深造以前，他在本土就自学并通过了HSK四级考试，奠定了坚实的基础。

Zài lái dào Zhōngguó liúxué shēnzhào yǐqián, tā zài bēntǔ jiù zìxué bìng tōngguò le HSK sì jí kǎoshì, diǎndìng le jiānshí de jīchǔ.

Trước khi sang Trung Quốc du học nâng cao, bạn ấy đã tự học và thi đỗ HSK 4 ngay tại quê nhà, tạo lập nền tảng vô cùng vững vàng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · DỄ TIỀN

HSK 3

Danh từ

#264

以为
yǐ wéi

suy nghĩ

我们原本以为今天下午会迎来倾盆大雨，没想到傍晚的天空竟然放晴并挂起了彩虹。

Wǒmen yuánběn yǐwéi jīntiān xiàwǔ huì yínglái qīngpén dàyǔ, méi xiǎngdào bàngwǎn de tiānkōng jìngrán fàngqíng bìng guà qǐ le cǎihóng.

Tại mình vốn cứ ngỡ chiều nay sẽ có mưa rào như trút nước, ai ngờ đến hoàng hôn trời lại hửng nắng trong veo và xuất hiện cả dải cầu vồng rực rỡ.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · DỄ VI

HSK 3

Danh từ

#265

一般
yī bān

trung bình

平日工作繁忙，周末时光我一般喜欢静静地呆在家中看一本好书或者去健身房挥洒汗水。

Píngrì gōngzuò fánmáng, zhōumò shíguāng wǒ yībān xīhuan jìngjìng de dāi zài jiā zhōng kàn yì běn hǎo shū huòzhě qù jiànshenfáng huīsǎ hànshuǐ.

Ngày thường công việc bận rộn, cuối tuần mình thường thích ở nhà thanh thoi đọc một cuốn sách hay hoặc đến phòng gym tập luyện toát mồ hôi.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · NHẤT BAN

HSK 3

Danh từ

#266

一边
yī biān

sang một bên

他习惯在清晨一边品尝香醇浓郁的手冲黑咖啡，一边在笔记本电脑前浏览全球科技晨讯。

Tā xíguàn zài qīngchén yībiān pǐncháng xiāngchún nóngyù de shǒuchōng hēikāfēi, yībiān zài bǐjìběn diànnǎo qián liúlǎn quánqiú kējì chénxùn.

Anh ấy có thói quen buổi sớm vừa nhâm nhi tách cà phê đen pha thủ công đậm đà, vừa lướt xem các tin tức công nghệ toàn cầu buổi sáng trên laptop.

📖 21 nét

HÁN VIỆT · NHẤT BIÊN

HSK 3

Phó từ

#267

一直
yī zhí

mọi lúc

掌握好“一直”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo "yī zhí" de yòngfǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “一直” (mọi lúc) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT · NHẤT TRỰC

HSK 3

Danh từ

#268

音乐
yīn yuè

âm nhạc

古典交响音乐具有抚慰人心、净化心灵的艺术魅力，能瞬间带走一天工作的疲倦。

Gùdiǎn jiāoxiǎng yīnyuè jùyǒu fúwèi rénxīn, jīnghuà xīnlíng de yìshù mèili, néng shùnjiǎn dài zǒu yì tiān gōngzuò de píjuàn.

Những bản nhạc giao hưởng cổ điển mang sức quyến rũ nghệ thuật xoa dịu tâm can và thanh lọc tâm hồn, có thể cuốn trôi đi mọi mệt mỏi của cả ngày làm việc trong chốc lát.

📖 16 nét

HÁN VIỆT · ÂM LẠC

HSK 3

Danh từ

#269

银行
yín háng

ngân hàng

请问距离本商业街最近的大型国有商业银行全功能人工服务营业厅在哪个方向？

Qǐngwèn jùlǐ běn shāngyējìe zuìjìn de dàxíng guóyǒu shāngyè yīn háng quán gōngnéng réngōng fúwù yíngyètīng zài nǎge fāngxiàng?

Cho em hỏi quầy giao dịch phục vụ trực tiếp đầy đủ chức năng của ngân hàng thương mại quốc doanh gần phố mua sắm này nhất nằm ở hướng nào vậy ạ?

📖 25 nét

HÁN VIỆT · NGÂN HÀNG

HSK 3

Danh từ

#270

应该
yīng gāi

nên

作为当代青年学子，我们应该树立远大抱负，勇于承担社会责任与历史使命。

Zuòwéi dāngdài qīngnián xuézi, wǒmen yīnggāi shùlì yuǎndà bàofù, yǒngyǔ chéngdān shèhuì zérèn yǔ lìshǐ shǐmìng.

Là thế hệ thanh niên học sinh đương thời, chúng ta nên gây dựng hoài bão lớn lao, dũng cảm gánh vác trách nhiệm xã hội và sứ mệnh lịch sử.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · UNG CAI



HSK 3

Danh từ

#271

影响

yǐng xiǎng

ảnh hưởng

良好的原生家庭教育与阅读习惯将会深远地影响一个人一生的品格塑造与认知格局。

Liánghǎo de yuánshēng jiāyù yǔ yuèdú xíguān jiāng huì shēnyuǎn de yǐngxiǎng yí gè rén yìshēng de pǐnggé shùzào yǔ rènzhī géjú.

Sự giáo dục gia đình nền tảng tốt và thói quen đọc sách sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc định hình nhân cách và tầm nhìn nhận thức của một người suốt cả cuộc đời.

21 nét

HÁN VIỆT : ẢNH HƯỞNG

HSK 3

Động từ

#272

用

yòng

sử dụng

老师鼓励大家积极用，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yòng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực sử dụng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT : DỤNG

HSK 3

Danh từ

#273

游戏

yóu xì

trò chơi

适当体验富有创意的益智策略类游戏不仅能放松身心，还能锻炼逻辑思维与团队协作能力。

Shìdàng tīyàn fùyǒu chuàngyì de yìzhì cèlùè lèi yóuxì bùjīn néng fàngsōng shēnxīn, hái néng duànliàn luójī sīwéi yǔ tuánduì xiézuò nénglì.

Trải nghiệm các trò chơi chiến thuật trí tuệ giàu tính sáng tạo một cách điều độ vừa giúp thư giãn tinh thần lại rèn luyện tư duy logic và kỹ năng làm việc nhóm.

23 nét

HÁN VIỆT : DU HÍ

HSK 3

Tính từ

#274

有名

yǒu míng

nổi tiếng, trứ danh lừng danh

景德镇作为闻名遐迩的历史文化名城与世界著名的“瓷都”，千年窑火生生不息、历久弥新。

Jǐngdézhèn zuò wéi wén míng xiá ěr de lì shǐ wén huà míng chéng yǔ shì jiè zhù míng de "cí dōu", qiān nián yáo huǒ shēng shēng bù xī, lì jiǔ mí xīn.

Cảnh Đức Trấn với tư cách là danh thành văn hóa lịch sử nổi danh lừng lẫy và là 'Thủ phủ Gốm sứ' nổi tiếng trứ danh thế giới, ngọn lửa lò gốm ngàn năm đời đời bất diệt, càng qua năm tháng càng thêm rạng rỡ.

23 nét

HÁN VIỆT : HỮU DANH

HSK 3

Phó từ

#275

又

yòu

một lần nữa

掌握好“又”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo "yòu" de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiǎ zì rán dī dao.

Nắm vững cách dùng từ "又" (một lần nữa) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

8 nét

HÁN VIỆT : HỮU

HSK 3

Danh từ

#276

遇到

yù dào

gặp phải

在探索未知科学领域的漫漫征途上遇到波折并不可怕，每一次攻坚都是重大的突破。

Zài tànsuǒ wèizhī kēxué lǐngyù de mànmàn zhēngtú shàng yù dào bōzhé bìng bù kěpà, měi yí cì gōngjiān dōu shì zhòngdà de tūpò.

Gặp phải trắc trở trên hành trình dài khám phá những chân trời khoa học mới không đáng sợ, mỗi lần vượt khó đều là bước đột phá trọng đại.

24 nét

HÁN VIỆT : NGỘ ĐÁO

HSK 3

Danh từ

#277

愿意

yuàn yì

sẵn sàng

只要你发自内心愿意虚心求教、不断磨砺自我，身边的良师益友都会竭诚伸出援助之手。

Zhǐyào nǐ fā zì nèixīn yuànyì xūxīn qiújiào, búduàn mó lì zìwǒ, shēnbiān de liángshī yìyǒu dōu huì jiéchéng shēn chū yuánzhù zhǐ shǒu.

Chỉ cần bạn xuất phát từ đáy lòng sẵn sàng khiêm tốn học hỏi và không ngừng rèn giũa bản thân, các thầy cô và bạn tốt xung quanh đều sẽ hết lòng dang tay giúp đỡ.

23 nét

HÁN VIỆT : NGUYỆN Ý

HSK 3

Phó từ

#278

越

yuè

Yue

汉语越学越有意思，只要每天坚持练习，你就一定会爱上这门语言。

Hànyǔ yuè xué yuè yǒu yìsi, zhǐyào měitiān jiānchí liànxí, nǐ jiù yíding huì ài shàng zhè mén yǔyán.

Tiếng Trung càng học càng thấy hay và thú vị, chỉ cần mỗi ngày kiên trì luyện tập thì bạn nhất định sẽ say mê ngôn ngữ này.

10 nét

HÁN VIỆT : VIỆT

HSK 3

Danh từ

#279

月亮

yuè liang

mặt trăng

中秋佳节的静谧夜空之中，一轮皎洁如玉盘的明亮大圆月亮高悬天际，洒下满地银辉。

Zhōngqiū jiājié de jìngmì yèkōng zhīzhōng, yí lún jiǎojié rú yùpán de míngliàng dà yuán yuèliang gāoxuán tiānjì, sǎ xià mǎn dì yínhuī.

Giữa bầu trời đêm tĩnh lặng của ngày Tết Trung thu, vầng trăng rằm tròn vành vạnh trong vắt tựa mâm ngọc treo cao nơi chân trời, tỏa ánh sáng bạc lung linh khắp mặt đất.

19 nét

HÁN VIỆT : NGUYỆT LƯỢNG



HSK 3

Động từ

#280

云
yún

đám mây

老师鼓励大家积极云，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yún, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
đám mây, dũng cảm khám phá kiến thức
mới.

10 nét

HÁN VIỆT: VÂN

HSK 3

Danh từ

#281

站
zhàn

đứng

各位尊贵的乘客请在黄色安全警示线内平稳
站立候车，切勿拥挤推搡。
Gèwèi zūnguì de chéngkè qǐng zài huángsè
ānquán jǐngshì xiàn nèi píngwěn zhàn lì hòuchē,
qièwù yōngjǐ tuīsāng.
Kính mời quý hành khách đứng vững chờ tàu
phía trong vạch cảnh báo an toàn màu vàng,
tuyệt đối không chen lấn xô đẩy.

13 nét

HÁN VIỆT: TRẠM

HSK 3

Tính từ

#282

着急
zháojí

lo lắng

遇到突发紧急状况时切忌慌乱着急，冷静理
清头绪往往是最高效的破局之策。
Yù dào tūfā jǐnjí zhuàngkuàng shí qièjì huāngluàn
zháojí, lěngjìng lí qīng tóuxù wǎngwǎng shì zuì
gāoxiào de pòjú zhī cè.
Gặp phải tình huống khẩn cấp bất ngờ tuyệt
đối chớ nên hoảng loạn nôn nóng, bình tĩnh
sắp xếp lại mạch suy nghĩ luôn là kế sách
tháo gỡ hiệu quả nhất.

18 nét

HÁN VIỆT: TRƯỚC CẤP

HSK 3

Danh từ

#283

照顾
zhàogu

chăm sóc

住院康复期间，医护人员细致入微、体贴周
到的专业照顾令全家上下倍感温暖与感激。
Zhùyuàn kāngfù qījiān, yīhù rényuán xìzhì rùwēi,
titiē zhōudào de zhuānyè zhàogu lìng quán jiā
shàngxià bèi gǎn wēnnuǎn yǔ gǎnjī.
Trong thời gian nằm viện phục hồi sức khỏe,
sự chăm sóc chu đáo, tận tâm và chuyên
nghiệp của các y bác sĩ khiến cả gia đình cảm
thấy ấm lòng và biết ơn sâu sắc.

24 nét

HÁN VIỆT: CHIẾU CỐ

HSK 3

Danh từ

#284

照片
zhàopiàn

Ảnh

翻开珍藏多年的大学毕业纪念相册，一张张
泛黄的老照片瞬间勾起了无数青春的美好回
忆。
Fānkāi zhēncáng duō nián de dàxué bièjì niàn
xiàngcè, yì zhāngzhāng fànhuáng de lǎo
zhàopiàn shùnjiǎn gōuqǐ le wúshù qīngchūn de
měihǎo huíyì.
Lật mở cuốn album kỷ niệm tốt nghiệp đại
học cất giữ nhiều năm, từng bức ảnh cũ
nhuộm màu thời gian tức khắc gọi lại biết
bao kỷ ức tươi đẹp của tuổi thanh xuân.

20 nét

HÁN VIỆT: CHIẾU PHIẾN

HSK 3

Danh từ

#285

照相机
zhàoxiàngjī

máy ảnh

出发前往风景秀丽的黄山采风前，摄影师特
意准备了专业微单照相机和多款长焦镜头。
Chūfā qiánwǎng fēngjǐng xiùlì de Huángshān
cǎifēng qián, shèyǐngshī tèyì zhǔnbèi le zhuānyè
wēidān zhàoxiàngjī hé duō kuǎn chángjiāo
jìngtóu.
Trước khi lên đường tới danh thắng Hoàng
Sơn tuyệt mỹ sẵn ảnh, nhiếp ảnh gia đã
chuẩn bị sẵn chiếc máy ảnh mirrorless
chuyên nghiệp cùng nhiều ống kính tele.

33 nét

HÁN VIỆT: CHIẾU TƯƠNG CƠ

HSK 3

Lượng từ

#286

只
zhǐ

chỉ

清晨推开雕花窗棂，只见古树梢头上俏立着
一只欢快歌唱的喜鹊，歌声格外悦耳动听。
Qīngchén tuīkāi diāohuā chuānglíng, zhǐ jiàn
gùshù shāotóu shàng qiào lì zhe yì zhī huānkuaī
gēchàng de xǐquè, gēshēng géwài yuè'ěr
dòngtīng.
Sáng sớm đẩy then cửa sổ chạm khắc, chỉ
thấy trên ngọn cây cổ thụ có một chú chim
khách đang cất tiếng hót líu lo, giai điệu êm
tai dễ chịu lạ kỳ.

14 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 3

Lượng từ

#287

只
zhǐ

chỉ

清晨推开雕花窗棂，只见古树梢头上俏立着
一只欢快歌唱的喜鹊，歌声格外悦耳动听。
Qīngchén tuīkāi diāohuā chuānglíng, zhǐ jiàn
gùshù shāotóu shàng qiào lì zhe yì zhī huānkuaī
gēchàng de xǐquè, gēshēng géwài yuè'ěr
dòngtīng.
Sáng sớm đẩy then cửa sổ chạm khắc, chỉ
thấy trên ngọn cây cổ thụ có một chú chim
khách đang cất tiếng hót líu lo, giai điệu êm
tai dễ chịu lạ kỳ.

14 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 3

Danh từ

#288

终于
zhōngyú

Cuối cùng

历经数年坚持不懈的潜心钻研与无数次试
验，科研团队终于成功攻克了这项国际技术
难关。
Lìjīng shù nián jiānchí bùxié de qiánxīn zuānyán
yǔ wúshù cì shíyàn, kēyán tuánduì zhōngyú
chénggōng gōngkè le zhè xiàng guójí jìshù
nánguān.
Trải qua nhiều năm miệt mài nghiên cứu cùng
vô số lần thử nghiệm, đội ngũ khoa học cuối
cùng đã thành công chinh phục rào cản kỹ
thuật tầm cỡ quốc tế này.

26 nét

HÁN VIỆT: CHUNG VU



HSK 3

Danh từ

#289

中间

zhōng jiān

ở giữa

在隆重的大型国际合作签约仪式合影中，主办方特意邀请两位核心领军专家就座于主席台最中间。

Zài lóngzhòng de dàxíng guójì hézuò yìshì hézhōng, zhǔbānfāng tèyì yāoqǐng liǎng wèi héxīn lǐngjūn zhuānjiā jiùzuò yú zhǔxítái zuì zhōngjiān.

Trong bức ảnh chụp chung của buổi lễ kỷ kết hợp tác quốc tế long trọng, ban tổ chức đã trân trọng mời 2 vị chuyên gia đầu ngành cốt cán ngồi ở vị trí chính giữa lễ đài.

16 nét

HÁN VIỆT: TRUNG GIAN

HSK 3

Lượng từ

#290

种

zhǒng

loài

国家植物园的现代化温室大棚内集中展示并科学培育着上万种来自各大洲的珍稀名贵植物品种。

Guójiā Zhíwùyuán de xiàndàihuà wēnshì nèi jīzhōng zhǎnshì bìng kēxué péiyù zhe shàng wàn zhǒng láizì gè dàzhōu de zhēnxī míngguì zhíwù pínzhǒng.

Bên trong khu nhà kính hiện đại của Vườn Thực vật Quốc gia trưng bày và ương trồng khoa học hàng vạn chủng loại thực vật quý hiếm đến từ khắp các châu lục.

11 nét

HÁN VIỆT: CHỦNG

HSK 3

Tính từ

#291

重要

zhòng yào

quan trọng

扎实的外语听力积累与持之以恒的口语实践对于全面攻克第二外语起着至关重要的基石作用。

Zhāshí de wàiyǔ tīnglǐ jīlěi yǔ chízhīyǐhéng de kǒuyóu shǐjiàn duìyú quánmiàn gōngkè dì èr wàiyǔ qǐ zhe zhìguān zhòngyào de jīshí zuòyòng.

Việc tích lũy kỹ năng nghe vững vàng và kiên trì thực hành giao tiếp đóng vai trò là nền tảng tối quan trọng để chinh phục trọn vẹn một ngôn ngữ thứ hai.

22 nét

HÁN VIỆT: TRỌNG YÊU

HSK 3

Danh từ

#292

周末

zhōu mò

cuối tuần

难得偷得浮生半日闲，这个周末我们相约去郊外远离喧嚣的森林公园露营野餐、放松心情。

Nándé tōu de fúshēng bàn rì xián, zhè ge zhōumò wǒmen xiāngyuē qù jiāowài yuánlín xuānxiāo de sēnlín gōngyuán lùyíng yěcān, fàngsōng xīnqíng.

Hiếm hoi mới có được chút thanh thoi giữa bộn bề, cuối tuần này chúng mình hẹn nhau tới công viên rừng ngoại ô tránh xa ồn ào để cắm trại dã ngoại và thư giãn tâm hồn.

22 nét

HÁN VIỆT: CHU MẠT

HSK 3

Tính từ

#293

主要

zhǔ yào

chính

本期学术培训课程的主要目标在于系统化夯实学员们的高级中文口语沟通与商务洽谈能力。

Běn qī xuéshù péixùn kèchéng de zhǔyào mùbiāo zài yú xìtǒnghuà hāngshí xuéyuánmen de gāoji Zhōngwén kǒuyóu gōutōng yǔ shāngwù qiàntán nénglì.

Mục tiêu then chốt của khóa đào tạo học thuật kỳ này là củng cố vững chắc có hệ thống năng lực giao tiếp khẩu ngữ tiếng Trung cao cấp và đàm phán thương mại cho học viên.

21 nét

HÁN VIỆT: CHỦ YÊU

HSK 3

Động từ

#294

祝

zhù

chúc, chúc phúc chúc mừng

在新春佳节到来之际，我们衷心祝愿伟大的祖国繁荣昌盛、国泰民安，祝愿全国各族人民幸福安康！

Zài xīn chūnjiā jié dào lái zhījī, wǒmen zhōngxīn zhù yuàn wěi dà de zú guó fánróng chāngshèng, guó tài mǐn ān, zhù yuàn quán guó gè zú rén mǐn xìng fú ān kāng!

Nhân dịp Tết Nguyên Đán xuân mới về, chúng tôi xin chân thành kính chúc chúc phúc Tổ quốc vĩ đại phồn vinh thịnh vượng, quốc thái dân an, chúc toàn thể nhân dân các dân tộc trên cả nước an khang hạnh phúc!

11 nét

HÁN VIỆT: CHÚC

HSK 3

Danh từ

#295

注意

zhùyì

Lưu ý

在实验室进行化学配比操作时，所有实验人员必须时刻严格注意规程与人身防护安全。

Zài shíyànshì jìnxíng huàxué pèibǐ cāozuò shí, suǒyǒu shíyàn rényuán bìxū shíkè yángé zhùyì guīchéng yǔ rénshēn fánghù ānquán.

Khi tiến hành pha chế hóa chất trong phòng thí nghiệm, toàn bộ nhân viên thực nghiệm phải luôn luôn nghiêm túc chú ý đến quy trình và an toàn bảo hộ cá nhân.

26 nét

HÁN VIỆT: CHÚ Ý

HSK 3

Danh từ

#296

字典

zì diǎn

từ điển

遇到不熟悉的古汉语生僻字词时，随时翻阅权威的新华字典或现代汉语词典是治学严谨的好习惯。

Yù dào bù shúxī de gǔ Hànyǔ shēngpì zìcí shí, suǐshí fānyuē quánwēi de Xīnhuà Zìdiǎn huò Xiàndài Hànyǔ Cídiǎn shì zhìxué yánjīn de hào xíguàn.

Khi gặp các từ ngữ cổ hoặc chữ Hán lạ chưa biết, việc tra cứu từ điển Tân Hoa hoặc Từ điển tiếng Hán hiện đại là một thói quen học thuật chuẩn mực đáng quý.

22 nét

HÁN VIỆT: TỰ ĐIỂN

HSK 3

Đại từ

#297

自己

zì jǐ

bản thân tôi

掌握好“自己”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hào “zì jǐ” de yòngfǎ, néng ràng Zhōngwén biǎo dá gèngjiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “自己” (bản thân tôi) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

21 nét

HÁN VIỆT: TỰ KỶ



HSK 3

Phó từ

#298

总是

zǒng shì

luôn luôn

无论身处怎样艰辛逆境，她那清秀温暖的面庞上总是洋溢着令人心安的从容微笑与坚定力量。

Wúlùn shēn chǔ zěnyàng jiānxīn nìjìng, tā nà qīngxiù wēnnuǎn de miànpáng shàng zǒngshì yángyì zhe líng rén xīn'ān de cóngróng wéixiǎo yǔ jiǎndìng lìliang.

Dẫu ở trong hoàn cảnh khó khăn thử thách đến nhường nào, trên gương mặt thanh tú ấm áp của cô ấy lúc nào cũng rạng ngời nụ cười an yên và sức mạnh kiên định.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TỔNG THỊ

HSK 3

Danh từ

#299

最近

zuì jìn

Gần đây

最近随着气温显著回升，各大学府与城市园林景区内已是一派杨柳依依、春和景明的繁荣景象。

Zuìjìn suízhe qìwēn xiǎnzhù huīshēng, gè dà xué fǔ yǔ chéngshì yuánlín jīngqū nèi yíshì yí pài yángliǔ yīyī, chūnhé jǐngmíng de fánróng jǐngxiàng.

Đạo gần đây khi nhiệt độ tăng dần lên rõ rệt, khắp các khuôn viên trường đại học và danh lam thắng cảnh đô thị đã ngập tràn sắc xuân ấm áp, dương liễu xanh mượt reo vui trong gió.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: TỐI CẬN

HSK 3

Danh từ

#300

作业

zuò yè

bài tập về nhà

每天放学回到家中，他都会自觉在书桌前专心致志地先完成老师布置的各科课后作业。

Měitiān fàngxué huí dào jiā zhōng, tā dōu huì zìjué zài shūzhuō qián zhhuānxīn zhìzhì de xiān wánchéng lǎoshī bùzhì de gē kē kèhòu zuòyè.

Mỗi ngày tan học về nhà, bạn ấy đều tự giác ngồi trước bàn học chăm chú hoàn thành trước tiên toàn bộ bài tập về nhà các môn mà thầy cô giao.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TÁC NGHIỆP

HSK 3

Danh từ

#301

作用

zuò yòng

tác dụng

保持科学合理的膳食结构与规律适度的有氧运动对增强人体综合抵抗力起着至关重要的积极促进作用。

Bǎochí kēxué hélǐ de shànshí jiégòu yǔ guīlǚ shìdù de yǒuxiǎng yùndòng duì zēngqiáng rén tǐ zōnghé dǐkànglì qǐ zhe zhìguān zhòngyào de jījī cùjìn zuòyòng.

Việc duy trì cơ cấu ăn uống khoa học hợp lý cùng chế độ tập thể dục cardio đều đặn vừa sức đóng vai trò thúc đẩy tích cực tối quan trọng trong việc nâng cao sức đề kháng của cơ thể.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TÁC DỤNG

🎉 CHÚC MỪNG BẠN ĐÃ HOÀN THÀNH TOÀN BỘ 301 TỪ HSK 3!

- ☐ Đã đọc thuộc lòng 100% phiên âm Pinyin
- ☐ Đã quét mã QR nghe giọng đọc chuẩn Bắc Kinh

- ☐ Đã nhớ trọn vẹn âm Hán Việt để hiểu gốc từ
- ☐ Đã thi thử trực tuyến đạt điểm mục tiêu



Sẵn sàng tiến tới HSK 4! 🚀

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 – 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7–9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

